

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI (CPO)**

Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới (VIAIP)

**Khung quản lý môi trường – xã hội
(ESMF)**

Tháng 7,2013

MỤC LỤC

PHẦN I – GIỚI THIỆU	6
2.1. Đặt vấn đề	6
4.1. Mục tiêu Dự án.....	6
4.2. Mục đích của Khung quản lý Môi trường – xã hội (ESMF)	6
4.3. Các Hợp phần của dự án	7
4.4. Sự liên kết các hợp phần của dự án	7
4.5. Thời gian thực hiện Dự án	8
4.6. Địa điểm thực hiện dự án.....	8
PHẦN II – MÔ TẢ DỰ ÁN	10
2.1. Mô tả các Hợp phần của Dự án	10
2.2. Danh sách các Tiêu Dự án đề xuất trong Hợp phần B.....	12
PHẦN III- MÔI TRƯỜNG NỀN VÙNG DỰ ÁN	14
3.1. Phân loại các nhóm Tiêu dự án theo các hạng mục xây dựng chính	14
3.2. Tóm tắt hiện trạng môi trường Vùng Dự án và các Tiêu dự án.....	15
3.2.1. Tóm tắt hiện trạng môi trường vùng núi phía bắc, gồm tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình	15
3.2.2. Tóm tắt hiện trạng môi trường vùng bắc trung bộ và duyên hải miền trung (Tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam)	17
PHẦN IV- KHUNG CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM	22
4.1. Chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới (WB) được kích hoạt	22
4.2. Áp dụng Khung pháp lý và Chính sách của Chính phủ Việt Nam	23
4.2.1. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến Đánh giá tác động môi trường và quản lý môi trường	24
4.2.2. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến sử dụng đất và thu hồi đất trong các dự án đầu tư	24
4.2.3. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến sử dụng quản lý xây dựng các dự án đầu tư	25
4.2.4. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến Khai thác tổng hợp tài nguyên nước và Bảo vệ Rừng, Di sản văn hóa, và Đa dạng sinh học	25
4.2.5. Một số văn bản liên quan đến quá trình xây dựng Dự án WB7	26
4.2.6. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt nam liên quan đến bảo vệ môi trường.....	26
PHẦN V – CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG, CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	28
5.1. Các tác động tiềm tàng.....	28
5.1.1. Các tác động tích cực	28
5.1.2. Các tác động tiêu cực tiềm tàng và Các biện pháp giảm thiểu.....	29
5.2. Các tài liệu an toàn yêu cầu.....	34
PHẦN VI – CÁC THỦ TỤC XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN	36
6.1. Thủ tục xem xét và đánh giá	36
6.2. Thủ tục công khai thông tin	36

PHẦN VII– THỂ CHẾ THỰC HIỆN	37
7.1. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý, theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách an toàn.	37
7.2. Cơ chế giám sát nội bộ, giám sát từ bên ngoài, giám sát cộng đồng.	38
7.3. Cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện	39
7.4. Yêu cầu báo cáo	39
7.5. Đào tạo và nâng cao năng lực	40
7.6. Chương trình truyền thông.....	41
7.7. Ước tính Kinh phí.....	42
PHẦN VIII– THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	44
8.1. Yêu cầu Tham vấn cộng đồng.....	44
8.2. Tóm tắt thực hiện tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị Khung quản lý môi trường – xã hội (ESMF).	44
PHỤ LỤC	48
PHỤ LỤC 1- MÔ TẢ 09 TIỂU DỰ ÁN VÀ DANH MỤC CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH	49
PHỤ LỤC 1.1- ƯỚC TÍNH PHẠM VI TÁC ĐỘNG XÃ HỘI TRONG DỰ ÁN (HỢP PHẦN B)	53
PHỤ LỤC 2- MẪU BÁO CÁO KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (EMP)	55
PHỤ LỤC 3- QUY TẮC MÔI TRƯỜNG THỰC TIỄN (ECOP)	56
PHỤ LỤC 4- KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPMP)	64

DANH SÁCH CÁC BẢNG

<i>Bảng 1- Danh sách các Tiểu dự án đề xuất trong Hợp phần B</i>	12
<i>Bảng 2 – Danh sách các Tiểu dự án dự kiến thực hiện trong năm thứ nhất</i>	13
<i>Bảng 3 – Phân loại các nhóm Tiểu dự án theo các hạng mục xây dựng</i>	14
<i>Bảng 4 - Các tác động tiêu cực tiềm tàng và các biện pháp đề xuất giảm thiểu của Dự án</i>	29
<i>Bảng 5- Các tài liệu an toàn chuẩn bị theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và WB</i>	34
<i>Bảng 6- Tài liệu an toàn môi trường yêu cầu cho các Tiểu dự án thực hiện năm thứ nhất</i>	34
<i>Bảng 7- Yêu cầu báo cáo cho Kế hoạch quản lý môi trường Tiểu dự án</i>	39

DANH SÁCH CÁC HÌNH VẼ

<i>Hình 1- Vị trí các Tỉnh thuộc Dự án</i>	9
<i>Hình 2 – Sơ đồ tổ chức thực hiện</i>	38

Chữ viết tắt

Bộ NN&PTNT/ MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bộ TN&MT/MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BQDT/ PPMU	Ban quản lý dự án tỉnh
BGSCĐ	Ban giám sát cộng đồng
CPO	Ban quản lý Trung Ương các dự án Thủy lợi
ECOP	Bộ quy tắc môi trường thực tiễn
BQMX	Ban quản lý môi trường, xã hội
EPC	Cam kết Bảo vệ Môi trường
ĐTM/EIA	Đánh giá tác động môi trường
ĐM /EA	Đánh giá môi trường
KCDT/EMDF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
KCT/ RAF	Khung chính sách tái định cư
KHT /RAP	Kế hoạch hành động tái định cư
KPDT/ EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
KQM /EMP	Kế hoạch quản lý môi trường
ESMF	Khung quản lý môi trường và xã hội
CSEP	Kế hoạch quản lý môi trường chi tiết theo hợp đồng
GoV	Chính phủ Việt Nam
OP/BP	Chính sách vận hành của WB
PPC/UBND tỉnh	Ủy ban Nhân dân tỉnh
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
Sở TN&MT/ DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở NN&PTNT/DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
TCVN	Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam
TDA/ SP	Tiểu dự án
TGT/CSC	Tư vấn giám sát thi công
TGM/EMC	Tư vấn giám sát môi trường
VDIC	Trung tâm phát triển thông tin Việt Nam
WB	Ngân hàng thế giới

Lời tựa

Tài liệu này được gọi là Khung Quản lý Môi trường và Xã Hội (ESMF) của Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (gọi là Dự án). Đây là tài liệu được chuẩn bị để đáp ứng yêu cầu về chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới (WB) về (i) Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01), (ii) Quản lý dịch hại (OP 4.09), (iii) Tài sản văn hóa vật thể (OP/BP 4.11), (iv) Người bản địa/dân tộc thiểu số(OP/BP 4.10), (v) Tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12), (vi) An toàn Đập (OP/BP 4.37), (vii) Dự án trên đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50). Tài liệu này cũng đề cập đến yêu cầu chuẩn bị các tài liệu an toàn liên quan khác như Khung Chính sách dân tộc thiểu số (EMPF), Khung chính sách tái định cư (RPF), và Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp (IPMP), cũng như các tài liệu về Kế hoạch hành động tái định cư (RAP), Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP), Kế hoạch quản lý môi trường (EMP), và Quy tắc Môi trường thực tiễn (ECOP). Tài liệu Khung Quản lý Môi trường – xã hội (ESMF) này sẽ được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án được tài trợ trong khuôn khổ của Dự án, và trong các giai đoạn thực hiện Dự án. Khung Quản lý Môi trường – xã hội (ESMF) cùng với báo cáo RAP, EMDP, EMP/ECOPs/IPMP sẽ trình WB xem xét và phê duyệt.

Khung quản lý môi trường – xã hội gồm có tám (08) phần như sau:

Phần 1- Giới thiệu

Phần 2- Mô tả dự án

Phần 3- Môi trường nền vùng Dự án

Phần 4- Khung chính sách áp dụng cho Dự án

Phần 5- Các tác động tiềm tàng và Các biện pháp giảm thiểu

Phần 6- Thủ tục Xem xét, Đánh giá và Công bố công khai

Phần 7- Sắp xếp thực hiện

Phần 8 – Tham vấn cộng đồng;

Các Phụ lục đính kèm, gồm:

- Phụ lục 1- Mô tả 09 Tiểu dự án
- Phụ lục 1.1- Dự đoán phạm vi tác động xã hội trong Dự án (Hợp phần B).
- Phụ lục 2- Đề cương chuẩn bị Kế hoạch Quản lý môi trường (EMP);
- Phụ lục 3- Quy tắc môi trường thực tiễn (ECOP)
- Phụ lục 4- Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp (IMPP)

PHẦN I – GIỚI THIỆU

2.1. Đặt vấn đề

Dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp có tưới (VIAIP) được triển khai căn cứ vào đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ngân hàng Thế giới (WB) hỗ trợ cho một số tỉnh miền núi phía bắc và miền trung Việt Nam để cải thiện các hệ thống nông nghiệp có tưới phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường, sinh kế và nâng cao đời sống người dân. Dự án được đề xuất với tổng mức đầu tư 210 triệu USD (trong đó có 180 triệu USD vay vốn ODA của WB, và 30 triệu USD vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam). Thời gian thực hiện dự án 6 năm (2014-2020). Vùng Dự án gồm 07 tỉnh gồm 03 tỉnh miền núi phía bắc Hà Giang, Hòa Bình, Phú Thọ và 04 tỉnh duyên hải miền Trung: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam.

4.1. Mục tiêu Dự án

- **Mục tiêu dài hạn:** (i) đảm bảo sự tiếp cận có hiệu quả và bền vững các dịch vụ tưới/tiêu đã được đầu tư nâng cấp cho các vùng nông thôn thuộc các tỉnh miền núi phía bắc và miền trung Việt Nam; và (ii) nâng cao năng lực cạnh tranh và tối đa hóa lợi ích của nền nông nghiệp có tưới (sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính).
- **Mục tiêu ngắn hạn:** Hỗ trợ cho một số tỉnh miền núi phía bắc và miền trung về nâng cấp các hệ thống tưới tiêu để cung cấp dịch vụ tưới tiêu tốt hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu. Các mục tiêu này sẽ đạt được thông qua các hoạt động sau:
 - Tăng cường quản lý nước, hỗ trợ về thể chế và chính sách để nâng cao quản lý nước;
 - Cải thiện cơ sở hạ tầng tưới tiêu;
 - Dịch vụ hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu.

4.2. Mục đích của Khung quản lý Môi trường – xã hội (ESMF)

Khung quản lý môi trường xã hội (ESMF) được xây dựng nhằm đưa ra các nguyên tắc, quy tắc hướng dẫn và thủ tục để đánh giá các tác động môi trường xã hội và các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật trong lập các báo cáo về bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo việc thực hiện các chính sách an toàn của Dự án, thỏa mãn các quy định về bảo vệ môi trường của WB và Việt Nam. Nó bao gồm các biện pháp và kế hoạch để giảm thiểu, hạn chế, và/hoặc bù đắp cho các tác động tiêu cực, và tăng các tác động tích cực, dự trù và nguồn kinh phí để thực hiện các biện pháp này, và các thông tin về các cơ quan chịu trách nhiệm.

4.3. Các Hợp phần của dự án

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, với cách tiếp cận “nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu” trong các hệ sinh thái khác nhau, hỗ trợ sử dụng đất linh hoạt, đa dạng hơn, tăng hiệu quả sử dụng nước và giảm tác động xấu đến môi trường, dự án được thiết kế với các hợp phần có sự hỗ trợ, liên kết thống nhất; với những giải pháp công trình và phi công trình đồng thời được thực hiện nhằm đảm bảo đạt mục tiêu dự án với hiệu ích cao nhất. Dự án được thiết kế gồm 4 hợp phần¹, với các nội dung, hoạt động chính và phân bổ nguồn lực như sau:

- Hợp phần A: Hỗ trợ cải thiện quản lý nước : 10 triệu USD;
- Hợp phần B: Nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu: 170 triệu USD
- Hợp phần C: Hỗ trợ Dịch vụ sản xuất nông nghiệp: 25 triệu USD
- Hợp phần D: Quản lý, giám sát và đánh giá (M&E) dự án : 5 triệu USD

4.4. Sự liên kết các hợp phần của dự án

Để đạt được các mục tiêu và các kết quả dự kiến của dự án, 4 Hợp phần với các nội dung chính nêu trên đã được thiết kế có sự liên kết chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau một cách hệ thống. Với phương thức tiếp cận dựa trên kết quả, các hoạt động của 4 hợp phần sẽ sử dụng hiệu quả nguồn vốn của dự án nhằm hướng tới các mục tiêu của dự án. Việc hiện đại hóa các hệ thống tưới được tiếp cận từ việc đánh giá nhanh (RAP) hiện trạng các hệ thống theo tiêu chí ‘dịch vụ’ nhằm đánh giá toàn diện hệ thống, từ hiện trạng công trình đến công tác quản lý, vận hành, năng lực các IMCs, các WUOs từ đó xây dựng định hướng và kế hoạch hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng “dịch vụ”, hiệu quả tưới, cải cách tổ chức, thể chế và tăng cường năng lực quản lý hệ thống, đồng thời huy động sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý hệ thống. Do vậy, dự án sẽ hỗ trợ các biện pháp tăng cường quản lý nước, hỗ trợ thể chế như đào tạo, nâng cao năng lực của các IMCs, mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý thuộc Hợp phần A; đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công trình tưới tiêu như nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kênh mương từ kênh chính đến kênh nội đồng thuộc Hợp phần B, thực hiện lồng ghép các tiểu dự án cải thiện nông nghiệp có tưới với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương như chương trình nông thôn mới, chương trình kiên cố hóa kênh mương để hoàn thiện hệ thống một cách tốt nhất; hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên phạm vi xây dựng công trình như xây dựng cánh đồng mẫu để nhân rộng, các biện pháp cải tạo, bảo tồn đất... thuộc Hợp phần C, nâng cao năng lực quản lý và thực thi dự án, quản lý môi trường, xã hội thuộc Hợp phần D.

¹ Nguồn: Aide-Memoire của Đoàn công tác WB (15-26/04/2013) – Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7)

Như vậy với các tác động của các hợp phần sẽ làm tăng hiệu quả đầu tư ở mức tối đa, đặc biệt là Hợp phần B -Cải thiện cơ sở hạ tầng tưới tiêu với các chương trình dự án khác ở địa phương để tăng cường hiệu ích và sự bền vững của hệ thống.

4.5. Thời gian thực hiện Dự án

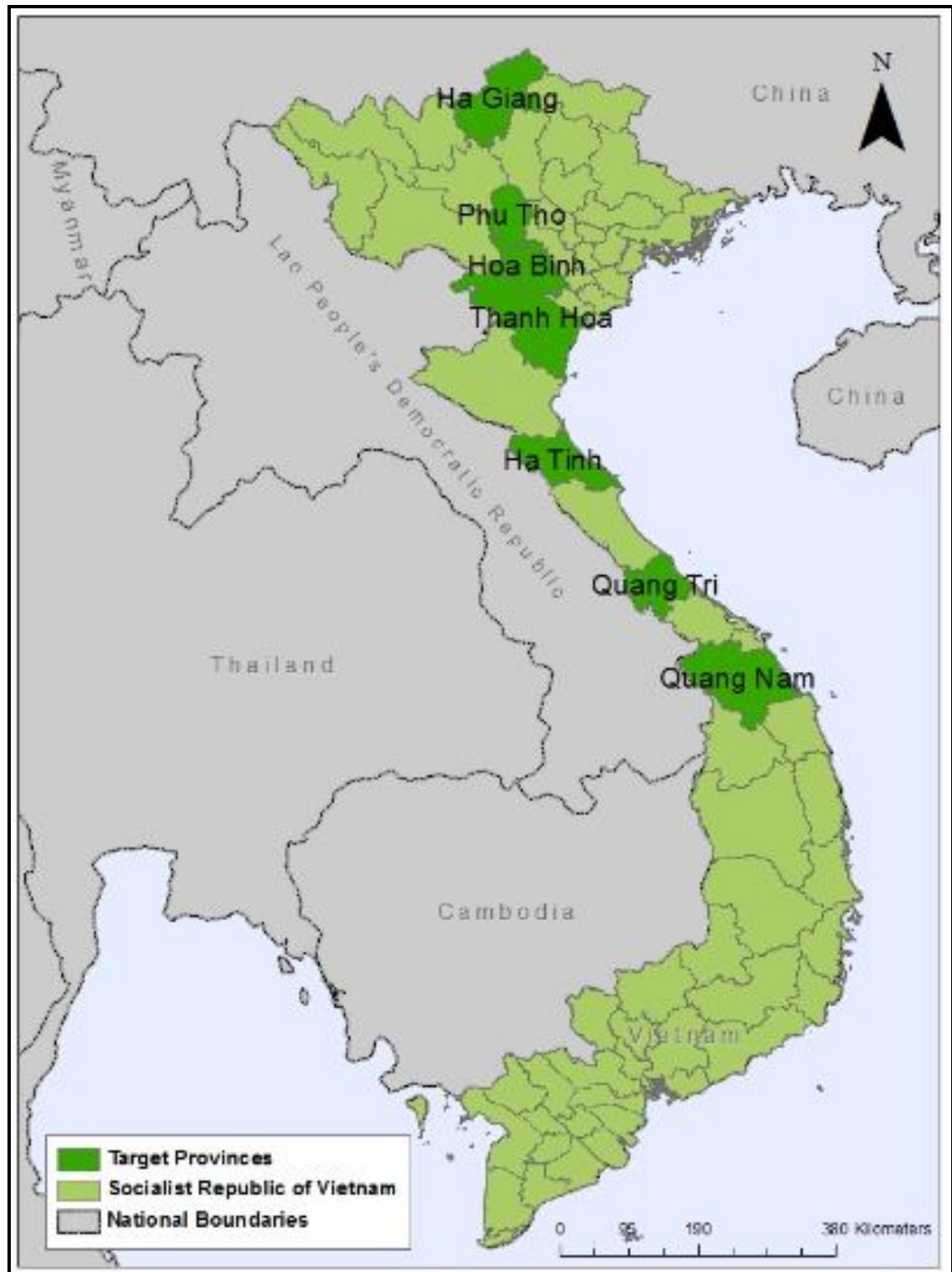
Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc dự án:

- Thời gian thực hiện dự án đầu tư dự kiến 6 năm(2014-2020)
- Thời gian bắt đầu từ tháng 3/2014.
- Thời gian kết thúc năm 2020 (dự kiến hoàn thành tháng 2/2020)

4.6. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án VIAIP sẽ được thực hiện trên địa bàn bảy (07) tỉnh miền núi phía Bắc và duyên hải miền Trung, Việt Nam, bao gồm: Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam, trong đó:

- 1- Tỉnh Hà Giang: Các huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc;
- 2- Tỉnh Phú Thọ: Các huyện Tam Nông, Thanh Thủy
- 3- Tỉnh Hòa Bình: Các huyện Lạc Thủy, Kim Bôi, Lương Sơn, Lạc Sơn, Tân Lạc, Yên Thủy, Cao Phong, Mai Châu;
- 4- Tỉnh Thanh Hóa: Các huyện Yên Định, Thiệu Hóa;
- 5- Tỉnh Hà Tĩnh: Các huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, và Tp Hà Tĩnh;
- 6- Tỉnh Quảng Trị: Các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và Tp Đông Hà;
- 7- Tỉnh Quảng Nam: Các huyện Phú Ninh, Thăng Bình, Quế Sơn, Duy Xuyên, Núi Thành và Tp. Tam Kỳ



Hình 1- Vị trí các Tỉnh thuộc Dự án

PHẦN II – MÔ TẢ DỰ ÁN

Mục tiêu của Dự án phù hợp với dự kiến tái cấu trúc và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi của Bộ NN&PTNT. Tập trung vào việc cải tổ thể chế, tái cấu trúc và nâng cao năng lực cho tất cả các cấp rất phù hợp với Kế hoạch tái cấu trúc ngành nông nghiệp và Luật Tài nguyên nước mới của Bộ NN&PTNT. Dự án sẽ thực hiện ở 07 tỉnh, gồm Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam. Dự án bao gồm 04 Hợp phần và Danh sách 09 Tiểu dự án đề xuất trong Hợp phần B, được đề cập dưới đây:

2.1. Mô tả các Hợp phần của Dự án

(1) *Hợp phần A: Hỗ trợ cải thiện quản lý nước* : 10 triệu USD

Cải tiến quản lý nước là vấn đề quan trọng nhất của Hợp phần A có sự tham gia của các bên liên quan. Các vấn đề được quan tâm trong Hợp phần này: (i) phát triển kế hoạch kinh doanh; (ii) tính minh bạch; (iii) nguồn thu nhập.

Cách tiếp cận khác nhau đến các hoạt động của IMC sẽ được phản ánh thông qua tính bền vững hơn và quan hệ giữa chi phí và thu nhập bằng tính minh bạch thông tin đến người sử dụng nước.

(2) *Hợp phần B: Nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu*: 170 triệu USD

Hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cấp và hiện đại hóa các hệ thống tưới tiêu hiện có ở Miền Bắc và miền Trung Việt nam, cũng như đầu tư một số dự án đa mục tiêu có quy mô nhỏ. Các hoạt động sẽ bao gồm (a) cải thiện các công trình đang vận hành chính, bao gồm các công trình điều tiết, cửa lấy nước, sửa sang lại mặt cắt kênh và lát một số đoạn kênh chính trong hệ thống để có thể đảm bảo vận hành hệ thống hiệu quả hơn; (b) hiện đại hóa và/hoặc nâng cấp công trình có quy mô nhỏ hiện có (thay thế các cống tưới tiêu cấp một, cấp hai hoặc cấp ba với phương án vận hành hiệu quả hơn, xây dựng các cầu nhỏ qua kênh, nâng cấp bờ kênh, bao gồm giới thiệu mô hình sử dụng tưới nhỏ giọt; (c) nâng cấp và bảo vệ các đập dâng hiện có (nói chung là bảo vệ mái đập dâng) và các công trình phụ và hệ thống kênh, và cân nhắc đầu tư thủy điện nhỏ; (d) xây dựng các hồ chứa nước đa mục tiêu cấp thôn cho cộng đồng địa phương và có các công trình tưới nhỏ liền kề; (e) nâng cấp và hiện đại hóa các trạm bơm thủy luân và các đập dâng liên quan, và các đường ống dẫn nước; (f) tân trang lại các công trình và trang bị hiện đại và trạm bơm tiêu chính hiệu quả; (g) xây dựng hoặc nâng cấp các kênh tiêu hở, và (h) xây dựng các công trình đo nước ở các hệ thống đã được chọn và lắp đặt hệ thống Giám sát, Điều khiển và Phân tích số liệu tự động (SCADA) để cải thiện hệ thống quản lý nước, và phối hợp với các hoạt động thành lập và củng cố WUOs trong Hợp phần A.

An toàn đập Quốc gia: Dự án VWRAP đã hỗ trợ Bộ Nông nghiệp &PTNT thành lập Tổ chức An toàn Đập để điều phối các hoạt động, luật và các quy định của Việt Nam, trong đó có Bộ Nông nghiệp &PTNT và EVN liên quan đến các chương trình này. Dự án WB7 này bao gồm hiện đại hóa và nâng cấp một số đập có quy mô vừa và nhỏ, và trong quá trình đó sẽ tiếp tục tập trung vào các vấn đề an toàn đập, và sẽ đầu tư để cải thiện an toàn đập cho những đập được Tổ chức an toàn đập (DSU) kiến nghị.

Thu hồi đất: Kinh phí thu hồi đất ước tính 5,3 triệu USD, sẽ là kinh phí của Chính phủ. Các Dự án giai đoạn 2 và 3 sẽ bắt đầu thực hiện từ tháng 3, 2015 và tháng 3, 2016.

(3) *Hợp phần C: Hỗ trợ Dịch vụ sản xuất nông nghiệp:* 25 triệu USD

Mục đích của Hợp phần này là tăng sản lượng nông nghiệp và nước tưới ở những cánh đồng lúa, rau màu và cây ăn quả, đảm bảo nhu cầu nước cho cây trồng trong mùa khô và giảm lượng nước sử dụng cho nông nghiệp. Trong Hợp phần này tập trung cho hệ thống cây trồng mật ruộng, và hướng vào các kỹ thuật khuyến nông cho nông dân. Hệ thống cây trồng mật ruộng sẽ tập trung cho một loại cây trồng cụ thể từ giai đoạn làm đất đến khi thu hoạch (bao gồm sử dụng hạt giống có năng suất cao), sử lý hạt giống, kiểm tra đất dựa trên việc áp dụng các loại phân bón (bao gồm cả phân hữu cơ, phân vô cơ), thuốc diệt cỏ, quản lý sâu bệnh tổng hợp, các phương pháp hiệu quả về quản lý nước mặt ruộng. Sẽ thực hiện san bằng mặt ruộng bằng phương pháp laser.

Dự án sẽ hỗ trợ các điểm trình diễn về quản lý sau thu hoạch để thúc đẩy quá trình làm sạch, phân loại và đóng gói tại mặt ruộng và làm tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp và hoa quả. Một loạt các hoạt động về nông nghiệp và làm vườn sẽ thực hiện trong hai năm đầu của Dự án. Các hoạt động sẽ được hội người dùng nước lựa chọn phụ thuộc vào điều kiện sinh thái nông nghiệp và cơ hội thị trường. Để phổ biến các kỹ thuật khuyến nông đến đông đảo nông dân, tiếp cận với đào tạo trên đồng ruộng sẽ là một phần của chương trình mô hình trình diễn mặt ruộng.

Cách tiếp cận. Hợp phần C sẽ được tổ chức thành 03 nhóm hoạt động: (i) thúc đẩy sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu (CSA); (ii) cải thiện dịch vụ nông nghiệp và tăng cường năng lực; (iii) Hỗ trợ kỹ thuật và Nghiên cứu.

Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu (CSA): Nghiên cứu khả thi Dự án đề xuất danh sách các hoạt động của 07 tỉnh nhằm tăng sản lượng nông nghiệp theo hướng bền vững về môi trường và xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu của nông dân, và giảm tham gia của nông nghiệp vào biến đổi khí hậu thông qua việc giảm phát thải khí nhà kính.

Cải thiện dịch vụ nông nghiệp và tăng cường năng lực. Nghiên cứu khả thi đề xuất (i) đào tạo cho các cán bộ và nông dân; (ii) Liên kết giữa “4 nhà”, và phổ biến thông tin.

Hỗ trợ kỹ thuật và Nghiên cứu: Nghiên cứu khả thi đề xuất (i) Hỗ trợ kỹ thuật (TA) cho giám sát phát thải GHG, (ii) Hỗ trợ kỹ thuật về theo dõi và giám sát (M&E). Dự án sẽ hỗ trợ nghiên cứu để tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu của nông dân, bao gồm các biến đổi về hạn hán, xâm nhập mặn,... cũng như các chính sách hoặc các hướng dẫn kỹ thuật để thích ứng với biến đổi khí hậu.

(4) Hợp phần D: Quản lý, giám sát và đánh giá (M&E) dự án: 5 triệu USD

Nội dung của hợp phần gồm: (1) Các tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho quản lý thực hiện dự án, và các tư vấn giám sát, kiểm toán, tư vấn M&E; (2) Hỗ trợ cho các hoạt động của các cơ quan quản lý dự án ở trung ương và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án; (3) Đào tạo nghiệp vụ, chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực quản lý thực hiện dự án cho các Ban Quản lý, đặc biệt các Ban quản lý TDA ở địa phương.

2.2. Danh sách các Tiểu Dự án đề xuất trong Hợp phần B

Vùng Dự án sẽ bao phủ trên địa bàn bảy (07) tỉnh miền núi phía Bắc và duyên hải miền Trung, Việt Nam, bao gồm: Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam, danh sách các Tiểu Dự án được liệt kê dưới đây:

Bảng 1- Danh sách các Tiểu dự án đề xuất trong Hợp phần B

<u>tt</u>	<u>Tỉnh</u>	<u>Tên Tiểu dự án</u>
1	Hà Giang	TDA 1- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi huyện Bắc Quang, Quang Bình và Vị Xuyên TDA 2- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi và xây dựng hồ chứa đa mục tiêu 4 huyện vùng cao Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc
2	Phú thọ	TDA3 - Cải thiện hệ thống Thủy lợi Huyện Tam Nông và Huyện Thanh Thủy
3	Hòa Bình	TDA 4- Cải tạo nâng cấp các trạm bơm thủy luân và bơm điện, Huyện Mai Châu, Tân Lạc, Lương Sơn, Cao Phong, Lạc Sơn TDA 5- Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi tỉnh Hòa Bình
4	Thanh Hóa	TDA 6 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa
5	Hà Tĩnh	TDA 7 - Khai thác đa mục tiêu hệ thống thủy lợi Kẻ Gỗ -Sông Rác, tỉnh Hà Tĩnh
6	Quảng Trị	TDA8 – Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Trị
7	Quảng Nam	TDA9 - Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Nam

Nguồn : Báo cáo FS tổng, Tháng 4/ 2013-Viện khoa học Thủy lợi Việt nam

Hợp phần B này sẽ được thực hiện theo 03 giai đoạn. Giai đoạn 1 của Dự án có 03 TDA được xác định là các TDA năm đầu, đã chuẩn bị đầy đủ thiết kế chi tiết và tài liệu an toàn, như trong Bảng 2 gồm có :

Bảng 2 – Danh sách các Tiểu dự án dự kiến thực hiện trong năm thứ nhất

<u>Tt</u>	<u>Tiểu dự án (TDA)</u>	<u>Tỉnh</u>	<u>Mô tả</u>	<u>Diện tích phục vụ (ha)</u>
1	TDA 6	Thanh Hóa	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa	11.154
2	TDA 9	Quảng Nam	Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Nam	19.427
3	TDA 4	Hòa Bình	Nâng cấp và Cải tạo các trạm bơm thủy luân và trạm bơm điện tỉnh Hòa Bình	1.048

Còn lại 06 Tiểu dự án khác sẽ được chuẩn bị sẵn sàng với biện pháp bảo vệ môi trường trong khi thực hiện dự án.

PHẦN III- MÔI TRƯỜNG NỀN VÙNG DỰ ÁN

3.1. Phân loại các nhóm Tiểu dự án theo các hạng mục xây dựng chính

Dựa trên đề xuất từ 07 tỉnh, với tổng số 09 tiểu dự án theo khung của dự án, tư vấn chuẩn bị tài liệu Dự án khả thi (FS) đề xuất phân loại các tiểu dự án thành các nhóm theo hạng mục đầu tư, như sau: (1) Nhóm 1 - nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống kênh mương (03 TDA); (2) Nhóm 2 - nâng cấp và gia cố từ đập đầu mỗi hồ chứa đến hệ thống kênh mương (03 TDA); (3) cải tạo, nâng cấp trạm bơm thủy luân và bơm điện (01 TDA); (4) nâng cấp cơ sở hạ tầng và hệ thống thoát nước hiện đại và hiệu quả cho trạm bơm tiêu (01 TDA); (5) xây mới các hồ chứa nước đa mục tiêu (01 TDA). Bảng 3, phân loại các nhóm Tiểu dự án theo các nội dung đầu tư, các hạng mục xây dựng chính.

Bảng 3 – Phân loại các nhóm Tiểu dự án theo các hạng mục xây dựng

tt	Nhóm Tiểu dự án	Tóm tắt các hạng mục xây dựng chính	Tiểu Dự án
1	Nhóm TDA1- cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương	<i>Các hạng mục xây dựng chủ yếu bao gồm gia cố kênh bằng bê tông (có và không có cốt thép, đổ tại chỗ hoặc lắp ghép), xây dựng các công trình điều tiết, đo nước trên kênh theo hướng hiện đại hóa; Làm đường quản lý vận hành, kết hợp giao thông trên bờ kênh; Cải tạo một số công trình trên kênh bị xuống cấp đảm bảo kênh hoạt động an toàn, liên tục.</i> <i>Với kênh nội đồng thì nạo vét, áp trúc, sử dụng kênh bê tông lưới thép đúc sẵn và bổ sung những kênh còn thiếu để đảm bảo dẫn nước đến mặt ruộng kịp thời.</i>	TDA 6, TDA7, TDA9,
2	Nhóm TDA2- nâng cấp, gia cố đập đầu mỗi hồ chứa và hệ thống kênh mương:	<i>Các hạng mục xây dựng chủ yếu nhằm đảm bảo an toàn đập như đắp đất tôn cao, mở rộng mặt cắt ngang đập đất; Gia cố mặt đập (kết hợp đường giao thông, quản lý vận hành hồ chứa); Xây tường chắn sóng trên đỉnh đập; Gia cố mái thượng lưu, trồng cỏ mái hạ lưu; Bổ sung hoặc sửa chữa các thiết bị tiêu thoát nước; sửa chữa hoặc nâng cấp tràn xả lũ; sửa chữa hoặc nâng cấp cống lấy nước; Xây dựng nhà quản lý đầu mối;</i>	TDA1; TDA5; TDA8.
3	Nhóm TDA3- cải tạo, nâng cấp trạm bơm thủy	<i>Các hạng mục xây dựng chủ yếu bao gồm Sửa chữa, gia cố các đập dâng, gia cố sân tiêu năng; cải tạo, nâng cấp các cửa lấy nước,</i>	TDA4

tt	Nhóm Tiểu dự án	Tóm tắt các hạng mục xây dựng chính	Tiểu Dự án
	luân và bơm điện:	<i>buồng máy bơm và nhà trạm, thay thế các thiết bị xuống cấp, hư hỏng; Sửa chữa và nâng cấp kênh tưới nội đồng.</i>	
4	Nhóm TDA4- xây mới trạm bơm tiêu	<i>Các hạng mục xây dựng chủ yếu: Nạo vét kênh tiêu đảm bảo đủ mặt cắt để tiêu thoát nước; Xây dựng trạm bơm tiêu thoát nước ra sông; Cải tạo các trạm bơm tưới nhỏ dọc trên các kênh tiêu; Cải tạo, nâng cấp kênh tưới nội đồng</i>	TDA 3
5	Nhóm TDA5- xây mới các hồ chứa đa mục tiêu	<i>Các hạng mục đầu tư bao gồm: Xây dựng mới các hồ chứa nước đa mục tiêu nhằm thu gom nước mặt tại các khu vực khan hiếm nước tại tỉnh Hà Giang; Làm mới các đập ngầm để gom nước vào các hồ chứa và xây dựng các hệ thống dẫn cấp nước sau hồ.</i>	TDA2

Nguồn : Báo cáo FS tổng, năm 2013-Viện khoa học Thủy lợi Việt nam, tháng 4/2013

3.2. Tóm tắt hiện trạng môi trường Vùng Dự án và các Tiểu dự án

Vùng Dự án trải dài trên 07 tỉnh, gồm 03 tỉnh miền núi phía bắc là Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình, và 04 tỉnh ven biển miền trung là Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng trị và Quảng Nam. Hiện trạng môi trường vùng Dự án có thể được trình bày thành hai tiểu vùng, đó là tiểu vùng núi phía bắc gồm các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình; và vùng ven biển miền trung gồm các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam.

3.2.1. Tóm tắt hiện trạng môi trường vùng núi phía bắc, gồm tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình

- (1) *Vùng núi phía Bắc (Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình):* tổng diện tích tự nhiên 1,6 triệu ha, trong đó có diện tích đất nông nghiệp chiếm gần 20% tổng diện tích đất tự nhiên. Đất vùng trung du và miền núi phía bắc không bằng phẳng, không có những cánh đồng rộng lớn, mà bị chia cắt, nằm ở những thung lũng xen kẽ với những dãy núi, đồi. Khí hậu nhiệt đới, gió mùa có mưa nhiều, tổng lượng mưa cả năm từ 2300-2400mm, với khoảng 80% lượng mưa tập trung vào mùa mưa từ tháng 6-9 hàng năm; mùa đông có sương muối, sương mù; độ ẩm cao. Có hệ thống sông lớn chảy qua đó là sông Lô, Sông Đà, sông Hồng chảy qua với lưu lượng lớn, tập trung vào mùa mưa, thường gây lũ lụt. Đất đai bạc màu do độ dốc cao nên đất bị xói mòn. Nông nghiệp phát triển chính là cây lúa, ngô, sắn và các loại cây ăn quả.

(2) Tổng số dân của các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, và Hòa Bình là 2,871 triệu người (năm 2011). Vùng Dự án ở tỉnh Hà Giang có nhiều dân tộc cùng chung sống trên địa bàn các tỉnh gồm Người Việt, H'Mông, Tày, Dao, Mường, Lô Lô, Nùng, chiếm khoảng 88-90% tổng dân số, tỉnh Hòa Bình có dân tộc Mường và Thái chiếm khoảng 87% tổng dân số. Vùng Tiểu dự án tỉnh Phú Thọ có 100% người Việt sinh sống, không có người dân tộc thiểu số. Trên 80% dân số sống ở vùng nông thôn, và thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Diện tích đất canh tác của mỗi hộ khoảng từ 0,2 -0,4 ha để trồng lúa và hoa màu. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm xấp xỉ 50% ở tỉnh Hà Giang (số liệu thống kê đến 31/12/2012), 20% ở tỉnh Phú Thọ và 28% ở Tỉnh Hòa Bình (số liệu năm 2011). Thu nhập bình quân đầu người (GDP) từ 10-13 triệu đồng/người-năm (năm 2011).

(3) Các vấn đề về môi trường nổi bật ở vùng Trung du và Miền núi Phía Bắc nói chung và vùng dự án nói riêng:

- *Sạt lở đất* do chặt phá rừng : Theo số liệu thống kê từ năm 2006-2010, diện tích rừng bị chặt phá: 14,76ha- Tỉnh Hòa Bình. Cháy rừng : 61,9 ha rừng bị cháy- tỉnh Hòa bình (số liệu thống kê 2006-2010, có 637,55ha rừng bị thiệt hại do cháy), Huyện Vị Xuyên- tỉnh Hà Giang cháy 43,3ha rừng (năm 2012).

- *Hạn hán* : mực nước các sông, suối đã xuống thấp hơn trung bình nhiều năm, và mực nước ở các hồ chứa ở mức thấp hiếm có, nhiều hồ bị cạn kiệt, nắng nóng kéo dài làm cho tình hình khô hạn và thiếu nước xảy ra ngày càng gay gắt hơn.

Hạn hán gây thiếu nước sinh hoạt, nhất là người dân sống ở vùng cao như Huyện Yên Minh, Quản Bạ, Đồng Văn, Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, người dân phải đi lấy nước ở xa nơi ở 3-5km, và có trường hợp phải đi xuống vùng thấp lấy nước xa tới 10km. Thiếu nước sinh hoạt cho người và cho cả gia súc ở những vùng cao như các huyện kể trên, thu nhập chính của người dân từ chăn nuôi bò, trâu, dê, lợn. Ở Tỉnh Hòa bình, tuy đã có nhiều hồ chứa nước quy mô nhỏ nằm xen kẽ ở các vùng dân cư, cung cấp nước sinh hoạt, nước tưới ruộng, nhưng do cao trình đập thấp, lại thêm biến đổi khí hậu, lượng mưa tập trung trong thời gian ngắn, các hồ chứa đầy nước nhưng không đủ cung cấp cho người dân trong vùng, gây thiếu nước sinh hoạt và nước tưới như trường hợp các hồ chứa nước ở tỉnh Hòa Bình.

- *Ngập úng*: Ngập úng thường xuyên xảy ra ở các tỉnh miền núi phía bắc khi mưa lớn. Tuy có hệ thống sông ngòi chằng chịt, nhưng khi nước sông dâng cao, mực nước trong đồng cao hơn mực nước sông thì các cống tiêu tự chảy từ trong đồng ra sông không hoạt động được, gây ngập úng, như trường hợp ở lưu vực tiêu Dâu Dương, và Đoan Hạ thuộc huyện Tam Nông và Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
- *Chất lượng đất*: chất lượng đất vùng dự án nói chung nghèo dinh dưỡng, độ pH dao động từ 5.3 đến 7.5, hàm lượng chất hữu cơ ở mức từ nghèo đến trung bình; Hàm

lượng Nitơ tổng số ở mức từ trung bình đến nghèo; Hàm lượng kali tổng số ở mức nghèo; Hàm lượng photpho tổng số ở mức từ trung bình đến giàu. Nhìn chung, chất lượng đất không có sự biến động nhiều về tính chất giữa các loại hình canh tác khác nhau.

- *Chất lượng nước:* chất lượng nước ở các sông, suối có chất lượng tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm các kim loại nặng và các anion, cation độc hại. Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu ở một số điểm cao hơn QCV 08:2008/BTNMT (B1) như BOD5, COD, TSS, NH3-, NO2, NO3. Chất lượng nước ngầm có độ pH =6,9-8,4, cao xấp xỉ giới hạn trên của quy chuẩn, có hàm lượng CaCO3 cao do địa hình núi đá vôi. Nước ngầm chưa bị nhiễm bần nitơ, và các chỉ tiêu khác còn nằm trong tiêu chuẩn cho phép QCVN09:2008/BTNMT.
- *Sử dụng hóa chất nông nghiệp:* Điều tra xã hội được tiến hành trong quá trình chuẩn bị của dự án ở các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình cho thấy trung bình 320kg² phân bón cho mỗi 1,0 ha (ha) và trung bình 1,3 lít thuốc trừ sâu dùng cho 1,0ha cây trồng được sử dụng trong vùng dự án. Việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp quá mức sẽ không chỉ gây ra các tác động môi trường nghiêm trọng, mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận thu được từ cây trồng của nông dân. Chính phủ đã ban hành các quy định và chính sách nhằm giảm việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ.

3.2.2. Tóm tắt hiện trạng môi trường vùng bắc trung bộ và duyên hải miền trung (Tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam)

- (1) *Vùng Bắc Trung Bộ (Tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Quảng Trị) và duyên hải miền Trung (tỉnh Quảng Nam):* tổng diện tích tự nhiên 3,26 triệu ha, trong đó có diện tích đất nông nghiệp chiếm gần 20% tổng diện tích đất tự nhiên. Vùng đồng bằng ven biển bằng phẳng (hầu hết diện tích đồng bằng có cao độ cao hơn mực nước biển 3m), thường bị ảnh hưởng của nước triều dâng và nhiễm mặn. Khí hậu nhiệt đới gió mùa chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Mạng lưới sông dày nhưng ngắn do địa hình khu vực miền trung bộ dốc và hẹp, với các sông lớn là sông Mã, sông Rác, Sông Thạch Hãn, Sông Thu Bồn. Hàng năm, các tỉnh này thường bị ảnh hưởng nhiều của lũ lụt vào mùa mưa và gió Lào thổi khô nóng về mùa khô. Nông nghiệp phát triển chính là cây lúa và vùng gần ven biển có phát triển nuôi trồng thủy sản (tôm, cá,...).
- (2) Tổng số dân của các tỉnh trong vùng Dự án 1.637.072 người, trong đó trên 80% số dân sinh sống ở nông thôn. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm khoảng từ 15-20%, trong đó Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam có tỷ lệ hộ nghèo tương ứng là 16,4%, 20%, 16% và 15% (số liệu thống kê năm 2011). Thu nhập bình quân đạt từ 8,9 – 21,6 triệu

² Nguồn: Số liệu khảo sát vùng Dự án, tháng 3, 2013 – Tư vấn môi trường

đồng/người-năm, trong đó Thanh Hóa có thu nhập bình quân đầu người (GDP) 8,9 triệu đồng/người-năm (số liệu 2011). Trong vùng Tiểu Dự án có 100% người Việt sinh sống, không có người dân tộc thiểu số.

(3) Các vấn đề về môi trường nổi bật ở *Vùng Bắc Trung Bộ (Tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Quảng Trị)* và *duyên hải miền Trung (tỉnh Quảng Nam)* nói chung và vùng dự án nói riêng:

- Chất lượng nước mặt: ở các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam trong điều kiện bình thường, chất lượng nước mặt khá tốt, ngoại trừ hàm lượng chất rắn lơ lửng cao do bờ sông thường bị xói lở vào mùa mưa. Chất lượng nước mặt trong những đợt mưa lũ bị giảm sút nghiêm trọng, do nước lũ cuốn theo và hòa tan chất bẩn tích tụ từ những bãi thu gom, tập kết và xử lý chất thải, hệ thống thoát nước bị phá hủy, phân rác từ các nhà vệ sinh, hệ thống cống rãnh,... Các chất ô nhiễm hữu cơ, vi sinh vật gây bệnh rất cao, lan truyền nhanh và diện rộng sau những đợt mưa lũ. Chất lượng nước mặt vào mùa khô tương đối tốt ở thượng lưu các con sông, tuy nhiên ở hạ lưu, các cửa sông bị xâm nhập mặn sâu vào đất liền, ảnh hưởng đến nước tưới cho cây trồng;
- Chất lượng nước ngầm: Chất lượng nước ngầm tương đối tốt, có thể dùng làm nguồn nước phục vụ cho cấp nước sinh hoạt, nhưng nước ngầm ở một số tiểu vùng ven biển bị ô nhiễm,
 - Ô nhiễm kim loại nặng: hàm lượng sắt và mangan cao, hàm lượng Nitơ, chất hữu cơ cao vượt tiêu chuẩn cho phép ở Bình Nam, Huyện Thăng Bình, Huyện Quế Sơn, Núi Thành, Duy Xuyên và Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam³.
 - Ô nhiễm mặn: vùng ven biển tỉnh Quảng trị và Quảng Nam.
 - Ô nhiễm sắt và Asen: huyện Kỳ Anh; huyện Thạch Hà có 2 xã có nguy cơ ô nhiễm cao (Thạch Bằng, Việt Xuyên), 2 xã có nguy cơ ô nhiễm trung bình (Thạch Khê, Thạch Đài), 2 xã có nguy cơ ô nhiễm thấp (Thạch Long, Thạch Sơn)⁴.
 - Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật: Hiện nay các kho thuốc bảo vệ thực vật (trong đó chứa hàm lượng lớn DDT, 666) tồn đọng từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ để lại tại 11 điểm trên địa bàn tỉnh chưa được xử lý. Các huyện nằm trong vùng TDA bị ô nhiễm do thuốc trừ sâu gây ra là: xã Thạch Lựu, Thạch Vĩnh thuộc huyện Thạch Hà; xã Cẩm Mỹ, Cẩm Thành thuộc huyện Cẩm Xuyên.⁵
- Mối xuất hiện trong thân đập :
 - Mối xuất hiện trong thân đập đất hồ chứa nước Trúc Kinh gồm 01 đập chính và 03 đập phụ. Xác định có 6 loài mối cụ thể như sau: *Odontotermes hainanensis* ;

³ Báo cáo Hiện trạng Môi trường tỉnh Quảng Nam, năm 2010

⁴ Nguồn: Báo cáo tổng quan hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006-2010

⁵ Nguồn: Báo cáo tổng quan hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006-2010

Odontotermes formosanus ; Macrotermes anandalei ; Pericapritermes Sp ; Microtermes pakistanicus ; Microtermes Sp. Trong đó có 3 loài thuộc 2 giống Odontotermes và Macrotermes có cấu trúc tổ thường gồm nhiều khoang rỗng lớn, chúng là đối tượng gây hại thực sự cho đập cần phải xử lý. Kênh tưới tiêu bị sạt lở, bồi lấp lòng kênh nên thường gây hạn hán ở khu tưới cuối kênh và úng ngập ở đầu kênh do nước bị ứ đọng ở phần đầu hệ thống tưới⁶.

▪ Nứt, sụt đất:

- Ở Quảng Trị liên tục xảy ra nứt đất ở nhiều vùng với quy mô khác nhau (từ tháng 7/1993 đến tháng 7/1994). Tại TP Đông Hà, nứt đất quan sát thấy ở trung tâm y tế Đông Hà, bệnh viện tỉnh, trong cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, xí nghiệp lâm nghiệp Việt - Lào, khách sạn Đông Trường Sơn, trong khu vực UBND TP Đông Hà. Ngoài ra, nứt đất cũng quan sát thấy ở trung tâm y tế huyện Cam Lộ, trường cấp 1 - 2 Long Thành huyện Hương Hoá, xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Nam huyện Vĩnh Linh, xã Gio Châu huyện Gio Linh, xã Hải Thắng huyện Hải Lăng, xã Cam Thanh huyện Cam Lộ. Không gian nứt đất bao trùm 8 huyện, thị xã của tỉnh Quảng Trị. Quy mô nứt đất có mức độ và độ mở khác nhau, có nơi chỉ vài cm nhưng có nơi tới 1 m, chiều dài vết nứt từ vài mét đến 50 – 60 m, độ sâu trông thấy đạt tới 4 m.

▪ Hạn hán:

- Hạn hán thường xảy ra hàng năm ở Tỉnh Quảng Trị do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, mùa khô từ tháng III đến tháng VIII, nhiệt độ lớn nhất có khi lên đến trên 40°C kèm theo gió Tây Nam khô nóng gây hạn hán, nước mặn xâm nhập vào nội địa từ 25 – 30 km. Nạn cát bay làm lấp đồng ruộng, nhà cửa gây thiệt hại cho đời sống nhân vùng ven biển. Hệ thống tưới La Ngà, Trú kinh chịu ảnh hưởng của hạn hán do hồ chứa La Ngà và Trú Kinh không đủ nước cung cấp, và hệ thống kênh tưới không thể dẫn đủ nước tưới do bị sạt lở, bồi lấp lòng kênh, vì thế ở các khu vực xa nguồn nước không đủ nước tưới, giảm diện tích gieo trồng và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Hạn hán còn ảnh hưởng thiếu nguồn nước sinh hoạt, khi các giếng nước cũng bị cạn kiệt.

- Tỉnh Quảng Nam: hạn hán thường xuất hiện trong mùa khô, từ tháng 1-4 hàng năm, khi lượng mưa trong giai đoạn này chỉ đạt 40-50mm. Mùa khô nước trên các sông tự nhiên cạn kiệt, nước ngầm cũng hạ thấp, có lúc không thể khai thác được. Hiện tượng thiếu nước sinh hoạt, nước tưới ruộng thường xuyên xảy ra, nhất là ở những khu vực đồng bằng ven biển, thiếu nước ngọt và đồng thời nước bị nhiễm mặn. Các trạm bơm nội đồng ở khu vực đồng bằng ven biển không thể hoạt động được vì xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền đến 15-20km.

- Ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh, các khu vực xa nguồn nước, cuối kênh tưới đều chịu ảnh hưởng hạn hán, vì các kênh tưới bị bồi lấp, xói lở không có khả năng dẫn

⁶ Nguồn : Báo cáo FS Tiểu dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị

nước về những khu vực xa nguồn nước. Bên cạnh đó, nước tưới ở cuối nguồn bị ô nhiễm môi trường nước do rác thải sinh hoạt, rác thải nông nghiệp đổ vào kênh gây ách tắc dòng chảy và ô nhiễm môi trường nước.

▪ Lũ lụt:

- *Tỉnh Quảng Trị:* Lũ lụt đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân Quảng Trị, làm hư hỏng nhiều công trình thủy lợi, xói lở bờ sông và hệ thống kênh mương. Nhiều đoạn đường trên tuyến quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, các tuyến liên huyện, liên xã bị ngập lụt trong nhiều ngày gây ách tắc giao thông nghiêm trọng. Không những thế, sau lũ lụt thường để lại hậu quả về môi trường như: ô nhiễm nguồn nước, xác động vật chết, dịch bệnh... làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe người dân. Số liệu thống kê từ 2006-2010, Tỉnh Quảng trị bị thiệt hại do lũ lụt hơn 10.000 tỉ đồng, tổng số người chết và mất tích 47, và 170 người bị thương.

- *Tỉnh Quảng Nam:* mùa mưa trong lưu vực kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12. Lượng nước mưa trên lưu vực dao động từ 3.200-4000 mm/năm. Hệ số hình thành dòng chảy của lưu vực là 60%. Lượng mưa trong mùa mưa chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm, vì thế lũ lụt thường xuyên xảy ra vào tháng 11 và 12 hàng năm.

▪ Xâm nhập mặn:

- Xâm nhập mặn thường xuyên xảy ra ở các khu vực ven biển (TDA6- tỉnh Thanh Hóa, TDA7-Tỉnh Hà Tĩnh, TDA8- tỉnh Quảng Trị và TDA9- tỉnh Quảng Nam) . Nước mặn xâm nhập theo đường sông vào sâu trong đất liền tới 20km (tỉnh Quảng Nam), và một số trạm bơm tưới nằm dọc hạ lưu các sông Thu Bồn và Sông Trường Giang không thể hoạt động do nước sông bị nhiễm mặn (khu tưới bờ trái sông Bà Rén 1800ha thường xuyên bị nhiễm mặn).

▪ Tai biến cát bay, cát chảy

- Nạn cát bay, cát chảy xảy ra chủ yếu ở vùng ven biển. Dọc bờ biển Quảng Trị các cồn cát phát triển mạnh tập trung ở các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh và TP Đông Hà. Hiện tượng cát bay xảy ra do nguyên nhân mùa khô nóng kéo dài 6 tháng (từ tháng I tới tháng VII), tốc độ gió trong mùa đạt 3-5 m/s đã làm cho cát khô ở các cồn chuyển dịch từ phía biển vào nội đồng, tốc độ trung bình 2-3 m/năm. Các tai biến này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đất, năng suất, diện tích cây trồng nơi đây. Ngược lại với mùa khô, mùa mưa ở Quảng Trị kéo dài từ tháng IX đến tháng XII với lượng mưa có thể đạt trên 600 mm/tháng đã tạo ra dòng chảy mặt tập trung trên vùng cát. Dòng chảy này đã kéo theo một khối lượng cát lớn xuống lấp đồng ruộng.

- Chất lượng đất: Chất lượng đất toàn vùng nhìn chung còn tốt, tuy có một số điểm đáng lưu ý như sau: có hiện tượng ô nhiễm đất do chất độc hóa học trong chiến tranh để lại ở Cam Lộ, Đông Hà, Khe Sanh và Quảng Trị. Bên cạnh đó còn có hiện tượng suy thoái đất do phá rừng đầu nguồn, hoang mạc hóa do tình trạng cát bay, cát nhảy ở Quảng Trị, Quảng Nam; đất nhiễm mặn, khai hoang lấn biển, xóa các dải rừng ngập mặn thành ao hồ nuôi trồng thủy sản và đắp đê ngăn mặn, hiện tượng ô nhiễm đất do dư lượng hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Sử dụng hóa chất trong nông nghiệp: Điều tra xã hội được tiến hành trong quá trình chuẩn bị của dự án ở các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam cho thấy trung bình 350kg⁷ phân bón cho mỗi 1,0 ha (ha) và trung bình 1,5 lít thuốc trừ sâu dùng cho 1,0ha, và 0,7lít thuốc diệt cỏ dùng cho 1,0ha cây trồng được sử dụng trong vùng dự án .

⁷ Nguồn: số liệu thu thập ở các xã trong vùng TDA, tháng 3/2013 –Tư vấn môi trường

PHẦN IV- KHUNG CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

4.1. Chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới (WB) được kích hoạt

Hợp phần B của Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) đề xuất cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình tưới tiêu đang đã có ở 07 tỉnh trong vùng Dự án và một số hạng mục xây mới với quy mô rất nhỏ, và cục bộ. Tuy nhiên, Dự án phải tuân thủ các Chính sách an toàn môi trường của WB như sau:

🌈 *Đánh giá môi trường (OP/BP- 4.01):* - Tất cả 09 Tiểu dự án đều có các hoạt động xây dựng trên các công trình hiện có, hiện đại hóa hệ thống kênh tưới, cải thiện và bảo vệ các công trình đập hiện có và các công trình phụ trợ và hệ thống kênh mương, và các trạm bơm thủy luân và các đập tràn liên quan; xây dựng mới các hồ chứa nước đa mục tiêu; và tân trang máy móc và công trình hoặc nâng cấp trạm bơm tiêu. Các tác động tiêu cực đến môi trường chỉ liên quan đến công tác xây dựng. Vì vậy Chính sách OP/BP-4.01 sẽ được áp dụng mục tiêu đảm bảo các dự án đầu tư có tính bền vững và đảm bảo về mặt môi trường – xã hội; Cung cấp cho những người ra quyết định các thông tin về các tác động môi trường-xã hội tiềm ẩn liên quan đến dự án. CPO là cơ quan quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT, chịu trách nhiệm sàng lọc từng tiểu dự án. Và dựa trên kết quả của quá trình sàng lọc, CPO sẽ quyết định các công cụ an toàn môi trường được chuẩn bị gồm Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (EIA), Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) và/hoặc Quy tắc môi trường thực tiễn (ECOP)..

🌈 *Quản lý dịch hại (OP 4.09)* – Sau khi hoàn thành Dự án, tổng diện tích tưới ổn định cho toàn vùng Dự án sẽ là 69.930ha⁸, và ước tính gia tăng lượng hóa chất nông nghiệp sử dụng ở các tỉnh sẽ tăng lên 1,3 lần so với trước khi có Dự án do tăng diện tích gieo trồng. Bộ Nông nghiệp & PTNT sẽ chuẩn bị Kế hoạch Quản lý Dịch hại tổng hợp (IPMP).

🌈 *Tài sản văn hóa vật thể (OP/BP 4.11).* Trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, TDA6, tỉnh Thanh Hóa phải di dời 12 mộ; và TDA8 tỉnh Quảng Trị có 07 ngôi mộ và 01 nhà thờ phải di dời; Vì vậy chính sách này được kích hoạt. Áp dụng chính sách này để hỗ trợ trong việc bảo vệ tài sản văn hóa vật thể và tránh những hư hỏng hoặc bị phá hoại. “Các thủ tục khi phát hiện” sẽ được trình bày trong EMP hoặc ECOP để xử lý các Tài sản Văn hóa Vật thể phát hiện trong giai đoạn xây dựng.

🌈 *Người bản địa (OP/BP 4.10)* – Nhằm đảm bảo cho người bản địa (hoặc các dân tộc thiểu số): (a) Nhận được sự tôn trọng một cách đầy đủ về phẩm giá, quyền con người,

⁸ Báo cáo FS tổng tháng 4/2013, Tư vấn Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

và bản sắc văn hóa ; (b) không bị ảnh hưởng bởi các tác động trong quá trình phát triển; (c) Được hưởng các lợi ích kinh tế- xã hội phù hợp về văn hóa, và (d) được hưởng lợi thông qua các quá trình tham vấn và tham gia. Trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, hai Tiểu dự án thuộc Tỉnh Hà Giang có người H'mông, Tày, Hán, Hoa, Dao, Nùng, Cờ Lao; Sán Cháy; Bố Y; Hai Tiểu dự án thuộc tỉnh Hòa Bình có người Thái và Mường sinh sống⁹.



Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12) – Dự án ước tính diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn là 96,0ha (trong đó có 2,6881ha đất ở), diện tích thu hồi tạm thời là 105,33ha chủ yếu là đất nông nghiệp; và số hộ bị ảnh hưởng (PAPs) là 4553 hộ và 05 văn phòng UBND xã bị ảnh hưởng; và số hộ tái định cư là 13 hộ (TDA3, tỉnh Phú Thọ) để cải tạo nâng cấp các công trình, xây mới trạm bơm tiêu và xây dựng công trình thủy lợi. Khung chính sách tái định cư (RPF) được chuẩn bị riêng, không nằm trong báo cáo này, sẽ trình WB thông qua và Chính phủ phê duyệt, Chủ đầu tư trực tiếp sẽ chuẩn bị Kế hoạch hành động tái định cư (RAPs) phù hợp với RPF cho tất cả các Tiểu dự án đã được xác định.



An toàn đập (OP/BP 4.37) – chính sách an toàn đập được áp dụng với mục đích đảm bảo rằng việc đánh giá an toàn cho các đập trong Dự án hoàn thành trước khi thực hiện Dự án sửa chữa và cải tạo và lấy nước từ các đập hiện có. Các Tiểu dự án có đập cao >15m (TDA6, tỉnh Thanh Hóa, TDA7, tỉnh Hà Tĩnh, TDA8, tỉnh Quảng trị, TDA9, tỉnh Quảng Nam) có các hoạt động xây dựng như nâng cao trình đỉnh đập, mở rộng đỉnh đập, xây tường chắn sóng, Các báo cáo an toàn đập sẽ được Bộ Nông nghiệp & PTNT chuẩn bị riêng, không bao gồm trong Báo cáo ESMF này, và sẽ được xem xét bởi nhóm chuyên gia độc lập.



Dự án trên Đường thủy quốc tế (OP/BP- 7.50) – TDA6 ở tỉnh Thanh hóa sẽ lấy nước từ Hồ chứa nước Cửa Đạt, nằm trên sông Chu. Sông Chu bắt nguồn từ nước Lào và là một nhánh sông lớn của Sông Mã. Vì vậy, chính sách này được kích hoạt để đảm bảo là dự án được Ngân hàng WB đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Ngân hàng và bên vay. Bộ NN&PTNT sẽ thông báo cho Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về dự án đề xuất và chi tiết của dự án.

4.2. Áp dụng Khung pháp lý và Chính sách của Chính phủ Việt Nam

⁹ Báo cáo Khung Chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF), Dự án WB7, tháng 4/2013.

4.2.1. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến Đánh giá tác động môi trường và quản lý môi trường

1. *Luật Bảo vệ Môi trường* (2005) đã quy định các vấn đề liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với các hoạt động phát triển. Việc báo cáo đánh giá tác động môi trường được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi).
- Nghị định số No.29/2011/NĐ-CP ban hành ngày 18/04/2011, Quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường (điều từ 29 -36). Thời điểm lập, trình thẩm định, và phê duyệt báo cáo được quy định chi tiết trong Khoản 2 Điều 13 Nghị định 21/2011/NĐ-CP, công tác sàng lọc môi trường (loại đánh giá môi trường đối với dự án) được thực hiện theo danh mục các loại dự án trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Nghị định 29/2011/NĐ-CP. *Đánh giá tác động môi trường*. Trong chương 3 của Nghị định số N.29/2011/NĐ-CP, từ điều 12 đến điều 28 đã quy định cụ thể việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án vận hành chính thức và giai đoạn vận hành của dự án. Theo Nghị định này, các TDA trong dự án WB7 của 07 tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA);
- Thông tư 26/2011/TT-BTNMT, ngày 18/07/2011 của Bộ TNMT, Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP. Thông tư số 26 này trình bày hướng dẫn chi tiết lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (DTM).
- Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, chất lượng không khí và một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh;
- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 25/12/2006 của Bộ Tài Nguyên & Môi trường về việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường. (*Chi tiết Mục 3.2.6*)

4.2.2. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến sử dụng đất và thu hồi đất trong các dự án đầu tư

- *Luật đất đai* số No.13/2003/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày ngày 26/11/2003;
- Nghị định số No. 181/2004/ND-CP về hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai năm 2003;
- Nghị định số No. 188/2004/ND-CP về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

- Nghị định số No. 197/2004/ND-CP về đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số No. 116/2004/TT-BTC về hướng dẫn thực hiện Nghị định số No.197/2004/ND-CP;
- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP về Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
- Nghị định số No. 17/2006/ND-CP về điều chỉnh một số điều khoản của Nghị định số No. 181/2004/ND-CP và Nghị định số No. 197/2004/ND-CP;

4.2.3. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến sử dụng quản lý xây dựng các dự án đầu tư

- Luật Xây dựng Số 16/2003/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2003.
- Nghị định số No. 209/2004/ND-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng các dự án xây dựng.
- Nghị định số No.12/2009/ND-CP ngày 10/02/2009 về quản lý các dự án xây dựng và đầu tư,

4.2.4. Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến Khai thác tổng hợp tài nguyên nước và Bảo vệ Rừng, Di sản văn hóa, và Đa dạng sinh học

- Luật Tài nguyên nước được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 21/06/2012;
- Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính Phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
- Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01/12/2008 của Chính Phủ về quản lý lưu vực sông;
- Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Luật Bảo vệ và phát triển Rừng số No. 29/2004/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 03/12/2004;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;
- Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.

- Luật Di sản văn hóa số No.28/2001/QH10 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 12/07/2001. Điều 13 - Nghiêm cấm các hành vi sau đây: Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hoá; Huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá; Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Luật Đa dạng sinh học số No.28/2008/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 13/01/2008. Chương III- Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, và Chương IV- Bảo tồn và phát triển các loài sinh vật.

4.2.5. Một số văn bản liên quan đến quá trình xây dựng Dự án WB7

- Quyết định số 187/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/08/2012 của Bộ Nông nghiệp &PTNT về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và giao nhiệm vụ Chủ Dự án – Dự án Hỗ trợ nông nghiệp có tưới (Dự án WB7).
- Các Quyết định của UBND các Tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam về việc đề xuất các Tiểu dự án thuộc Dự án WB7, năm 2012.

4.2.6. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt nam liên quan đến bảo vệ môi trường

- Môi trường nước:
 - QCVN 01:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống,
 - QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt
 - QCVN 08:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
 - QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm
 - QCVN 10:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước các vùng ven biển
 - QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt,
 - TCVN 5502:2003: Nước cấp – yêu cầu về chất lượng
 - TCVN 6773:2000: Chất lượng nước – Chất lượng nước cho mục đích thủy lợi
 - TCVN 6774:2000: Chất lượng nước – Chất lượng nước bảo vệ nuôi trồng thủy sản
 - TCVN 7222:2002: Chất lượng nước – Chất lượng nước sinh hoạt tập trung
- Môi trường không khí và đất:
 - QCVN 05:2008/BTNMT: Chất lượng không khí – Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh,

- QCVN 06:2008/BTNMT: Chất lượng không khí – nồng độ tối đa cho phép các chất độc hại trong không khí xung quanh;
- QCVN 07:2008/BTNMT: Chất lượng không khí – ngưỡng của các chất độc hại trong không khí ;
- Quản lý chất thải rắn:
 - QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của các kim loại nặng trong đất,
 - TCVN 6438:2001: Xe lưu hành trên đường – giới hạn phát thải tối đa được phép của khí thải,
 - TCVN 6696:2009: chất thải rắn – chôn lấp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường;
 - QCVN 07:2009 : quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để phân loại chất thải nguy hại
- Độ rung và tiếng ồn:
 - QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thay thế TCVN 6962:2001 – rung động do các công trình xây dựng và nhà máy – mức cho phép tối đa trong môi trường của khu vực công cộng và dân cư;
 - QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thay thế TCVN 5948:1999 Âm học – Tiếng ồn do phương tiện vận chuyển khi tăng tốc – mức cho phép);
 - TCVN 5949: 1998 Âm học – Tiếng ồn trong khu vực công cộng và dân cư – mức cho phép.
- Sức khỏe và an toàn lao động:
 - Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, hóa chất – ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.

PHẦN V – CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG, CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

5.1. Các tác động tiềm tàng

3.2.1. Các tác động tích cực

Sau khi Dự án hoàn thành có tổng số 1.083.729 người được hưởng lợi từ Dự án, trong đó có 29.857 người dân tộc thiểu số ở các TDA1, TDA2, TDA4 và TDA5 ở hai tỉnh Hà Giang và Hòa Bình (khoảng 2,75%). Tổng diện tích được tưới là 69.930ha đất canh tác, tổng diện tích tiêu là 17.065ha và 2881.7ha ao nuôi trồng thủy sản, được phân theo các nhóm Tiểu dự án như sau:

Nhóm 1- *Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương* (TDA6, TDA7, TDA9) sẽ đảm bảo diện tích tưới cho 57.419ha đất canh tác, cấp nước sạch cho diện tích 1.737ha ao nuôi thủy sản, và cung cấp nước sinh hoạt cho 855.058 người trong các tiểu vùng dự án ở các Tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

Nhóm 2- *Nâng cấp, gia cố đập đầu mối hồ chứa và hệ thống kênh mương*: (TDA1, TDA5, TDA8) bao gồm các hoạt động sửa chữa các đập bị rò rỉ nước, tổ mối đục thùng thân đập, nâng cao trình đỉnh đập và mở rộng đỉnh đập sẽ tăng lượng trữ nước trong hồ chứa để cung cấp nước cho người sử dụng trong mùa khô hạn. Sửa chữa, nâng cấp cống lấy nước vào kênh tưới sẽ đảm bảo lưu lượng nước thiết kế chảy qua cống, không làm thay đổi chế độ dòng chảy đưa nước về hạ lưu. Sau khi hoàn thành Dự án sẽ có 113.564 người được hưởng lợi, cung cấp nước tưới cho 10.449ha đất canh tác và 1139,7ha ao nuôi thủy sản, và cung cấp nước sinh hoạt cho 4255 người dân tộc thiểu số sống ở tỉnh Hà Giang, Hòa Bình. 16.888 người hưởng lợi là dân tộc thiểu số sống ở Hà Giang và tỉnh Hòa Bình (36% người hưởng lợi của TDA1 và TDA5), họ là người Mông, Dao, Tày, Nùng, Hoa, Hán, Po Y, Cò Lao.

Nhóm 3- *Cải tạo, nâng cấp trạm bơm thủy luân và bơm điện* (TDA4) sẽ có 21.448 người được hưởng lợi của tỉnh Hòa Bình, với 9.281 người dân tộc Mường (43%), cấp nước tưới cho diện tích 1.048ha đất canh tác, kết hợp phát điện và giã gạo.

Nhóm 4- *Xây mới trạm bơm tiêu* (TDA3): có hai trạm bơm tiêu được xây mới để giải quyết ngập úng hàng năm, và cải tạo, nâng cấp 05 trạm bơm tưới và hệ thống kênh nội đồng để cấp nước cho diện tích bị hạn hán thường xuyên. Diện tích tiêu nước của Tiểu Dự án là 16.765 ha, diện tích được tưới nước là 788ha, cải thiện vệ sinh môi trường vùng ngập úng cho 76.705 người dân của Huyện Tam Nông và Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ.

Nhóm 5- Xây mới các hồ chứa đa mục tiêu (TDA2). Có 17 hồ chứa nước đa mục tiêu được xây dựng sẽ cung cấp nước sạch cho 15.662 người ở 04 huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang, có tỉ lệ người dân tộc thiểu số chiếm hơn 90%.

Dự án cũng sẽ không tác động đến môi trường sinh thái tự nhiên khi toàn bộ công tác xây dựng được thực hiện trên các công trình đã có và đang hoạt động. Không có hoạt động nào của Dự án thực hiện ở các khu bảo tồn hoặc vùng được bảo vệ. Dự án đầu tư cũng sẽ không bị ảnh hưởng của những yếu tố bên ngoài như biến đổi khí hậu hoặc các hoạt động phát triển ở thượng lưu của hệ thống.

3.2.2. Các tác động tiêu cực tiềm tàng và Các biện pháp giảm thiểu

Các tác động tiêu cực tiềm tàng và các biện pháp đề xuất giảm thiểu được trình bày theo các giai đoạn của Dự án, được dự đoán cho các hoạt động của 09 Tiểu dự án đã đề xuất, trong đó có 03 Tiểu dự án thực hiện năm thứ nhất. Bên cạnh đó, đối với những Tiểu dự án sẽ được đề xuất thêm trong giai đoạn thực hiện cũng có thể áp dụng các biện pháp giảm thiểu đề cập ở Bảng 4 dưới đây:

Bảng 4 - Các tác động tiêu cực tiềm tàng và các biện pháp đề xuất giảm thiểu của Dự án

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>
<u>1- Giai đoạn trước khi xây dựng</u>		
(1)	Thu hồi đất vĩnh viễn và tạm thời sẽ được thực hiện trước Giai đoạn thi công. Tổng diện tích đất thu hồi tạm thời là 105.33ha và đất thu hồi vĩnh viễn là 96ha; Tổng số hộ bị ảnh hưởng là 4.553 và 5 trụ sở UBND xã, trong đó có 58 hộ gia đình dân tộc thiểu số; Tổng số mồ mả phải di dời là 19 và 01 ban th; 13 hộ gia đình phải tái định cư bao gồm: <u>Năm thứ nhất, các TDA4, TDA6, TDA9:</u> - Đất thu hồi tạm thời: 11,25ha - Đất thu hồi vĩnh viễn: 44,58ha - Số hộ bị ảnh hưởng: 3.787, trong đó có 16 hộ trong TDA6 bị ảnh hưởng nặng nề, và 17	Bồi thường cho việc thu hồi đất vĩnh viễn và tạm thời cho thực hiện Dự án sẽ tuân thủ Chính sách của Chính phủ Việt Nam và WB, được trình bày chi tiết trong Kế hoạch hành động tái định cư (RAP). <i>Áp dụng cho tất cả các Tiểu dự án, có yêu cầu thu hồi đất.</i> <i>Thủ tục chi tiết việc thu hồi đất được trình bày trong báo cáo RAP.</i>

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>
	hộ gia đình dân tộc thiểu số trong TDA4 và 12 ngôi mộ phải di dời trong TDA6. - Tổng số hộ tái định cư là 0 <u>Giai đoạn 2 và 3 (TDA1, TDA2, TDA3, TDA5, TDA7 và TDA8):</u> - Đất thu hồi tạm thời: 94,08ha - Đất thu hồi vĩnh viễn: 51,42ha - Số hộ bị ảnh hưởng: 766, trong đó có 41 hộ gia đình dân tộc thiểu số; và 07 ngôi mộ và 01 nhà thờ phải di dời. - Tổng số hộ tái định cư là 13 hộ trong TDA3. (chi tiết ở phần Phụ lục 1.1)	
(2)	<i>Tái định cư.</i> 13 hộ trong TDA3 phải di dời	<i>Tái định cư phục vụ cho công tác xây dựng của Dự án sẽ được bồi thường theo giá thay thế, theo Chính sách của Chính phủ Việt Nam và chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới (WB). Chi tiết các bước thực hiện tái định cư của Dự án được trình bày trong Báo cáo Kế hoạch hành động tái định cư (RAP).</i> <i>Áp dụng cho các Tiểu dự án phải có di dời. Trong đó ba (03) Tiểu dự án năm 1, không có di dời.</i> <i>Thủ tục chi tiết việc thu hồi đất được trình bày trong báo cáo RAP.</i>
(3)	<i>Tác động tiêu cực đến dân tộc thiểu số do thực hiện các hoạt động giải phóng mặt bằng.</i> Tổng số 58 hộ gia đình dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, trong đó: Năm đầu tiên: 17 hộ (TDA4) Giai đoạn 2 và 3: 41 hộ (TDA1, TDA2,	CPMU, PPMU sẽ tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng các nhóm người dân tộc thiểu số ở các Tiểu dự án có ảnh hưởng đến cuộc sống họ. Kết quả tham vấn sẽ được CPO/CPMU, PPMU và WB thảo luận và đưa ra quyết định có cần phải chuẩn bị Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) hay

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>
	TDA5)	không. <i>Áp dụng cho các Tiểu dự án có người dân tộc thiểu số sinh sống, chi tiết xem ở báo cáo EMDP (nếu có).</i>
(4)	<i>Rà phá bom mìn chưa nổ (UXO): đối với các hạng mục công trình đào sâu hơn 2m thì phải rà phá bom mìn chưa nổ,</i>	Nếu được xác định ở giai đoạn khả thi, thì sẽ bao gồm các điều khoản trong EMP. Các thủ tục sẽ bao gồm: liên hệ với các cơ quan có trách nhiệm và hoàn thành giải phóng mặt bằng trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng. Tiểu dự án sẽ được yêu cầu cung cấp chứng chỉ rà phá bom mìn trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng và / hoặc xây dựng. <i>Áp dụng cho các Tiểu dự án yêu cầu phải rà phá bom mìn</i>
2- <u>Giai đoạn xây dựng</u>		
(5)	<i>Các hoạt động xây dựng có thể làm ảnh hưởng đến tài sản văn hóa vật thể có giá trị khảo cổ học tự nhiên (thời tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, tôn giáo, văn hóa bao gồm cả các ngôi mộ phải di dời</i> <i>TDA 6, tỉnh Thanh Hóa sẽ thực hiện ở năm 1, đã xác định có 12 ngôi mộ phải di dời.</i> <i>TDA 8, tỉnh Quảng Trị đã xác định được 07 ngôi mộ và 01 nhà thờ phải di dời.</i>	Trong trường hợp phải thực hiện thì thủ tục sẽ theo những chi tiết trong Khung RPF. <i>Có thể được áp dụng cho các Tiểu dự án có ảnh hưởng đến tài sản văn hóa vật thể (TDA6 trong năm đầu, và TDA8)</i> <i>Thủ tục di dời mộ đã được trình bày trong báo cáo RAPs của TDA6, Tỉnh Thanh Hóa và TDA8, Tỉnh Quảng Trị.</i>
(6)	<i>Các hoạt động xây dựng như sửa chữa đập dâng và các công trình liên quan, tu sửa kênh mương và đất đào sẽ đổ lên hai bờ kênh,..., có thể gây ô nhiễm chất lượng nước, đất, người sử dụng nước (như nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp và nước sinh hoạt)</i>	Các tác động này được dự đoán có thể chỉ là cục bộ và tạm thời. Vì thế, cần có chương trình giám sát môi trường chặt chẽ và lập tức đình chỉ công việc khi phát hiện những trường hợp bất thường. Chương trình chi tiết về giám sát chất lượng nước được trình bày trong EMPs.

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>
		<i>Áp dụng cho các TDA Nâng cấp, gia cố đập đầu mối hồ chứa, đập tràn và xây dựng mới trạm bơm tiêu và lát kênh mương;</i>
(7)	Xây dựng các công trình, đắp đập, làm đường vào công trình, xây cầu qua kênh có thể làm gia tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, bụi, và/hoặc cản trở giao thông, ảnh hưởng đến sức khỏe và/hoặc tác động đến người dùng nước ở hạ lưu.	Các tác động sẽ chỉ là cục bộ và tạm thời trong thời gian xây dựng công trình. Chuẩn bị EMP/ECOP bao gồm các biện pháp giảm thiểu và giám sát trong giai đoạn xây dựng. Chuẩn bị IPMP cho giai đoạn vận hành, bao gồm duy trì tham vấn chặt chẽ với người dân địa phương. Nhà thầu xây dựng sẽ có trách nhiệm tuân thủ các biện pháp giảm thiểu đưa ra trong EMP/ECOP. Bất cứ hư hỏng gây ra trong giai đoạn xây dựng sẽ được Nhà thầu sửa chữa hoặc bồi thường. Sau khi hoàn thành công trình, nhà thầu xây dựng sẽ phải hoàn nguyên lại khu vực xây dựng công trình như trước khi xây dựng. <i>Áp dụng cho các Tiểu dự án trong Hợp phần B.</i>
(8)	Việc ngừng cung cấp nước trong khi xây dựng kênh và lát kênh – Thời gian cho các hoạt động xây dựng liên quan đến việc kiên cố và lát kênh có ảnh hưởng tiêu cực đến việc cấp nước tưới và nước sinh hoạt cho người dân trong vùng Dự án.	Công tác xây dựng thực hiện trong mùa khô có thể tiến hành rất nhanh, nhưng cần cắt nước trong khi xây dựng, và thực tế, mùa khô lại là mùa cần duy trì nước trên kênh tưới. Mùa mưa, nhu cầu nước cho cây trồng không căng thẳng lắm, nhưng công tác xây dựng lại khó khăn và tốn kém. Do vậy, cần phải lập tiến độ xây dựng chặt chẽ cho công tác lát kênh để giảm bớt sự xáo trộn cho những người hưởng lợi trong vùng Dự án, và trong thời gian đó thực hiện có hiệu quả công

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>
		việc của Dự án. Hơn nữa, nhà thầu xây dựng kênh mương cần tiến hành đàm phán với các bên liên quan để có được sự thống nhất về tiến độ thực hiện xây dựng và ngừng cấp nước trong kênh. <i>Áp dụng cho các TDA</i> Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương. Các Tiểu dự án năm thứ nhất đã được xác định gồm TDA6, tỉnh Thanh Hóa và TDA9 tỉnh Quảng nam yêu cầu áp dụng biện pháp giảm thiểu này.
3- <u>Giai đoạn vận hành và phát triển bền vững</u>		
(9)	Có thể gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc hóa chất (cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản) có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước, chất lượng đất, và/hoặc người sử dụng nước ở hạ lưu.	Cấm sử dụng khối lượng lớn thuốc trừ sâu và hóa chất độc hại và những loại này đã ghi trong “<i>danh mục không được sử dụng của FAO và WHO</i>”; Cấm xâm lấn các ao nuôi thủy sản vào vùng được bảo vệ và tất cả các trang trại sẽ tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia hoặc thực hiện nuôi trồng thủy sản tốt. Chuẩn bị Kế hoạch IPM cho Dự án, bao gồm các chương trình tập huấn cho nông dân/ngư dân và hỗ trợ kỹ thuật/kinh phí thực hiện (xem hướng dẫn ở <i>Phụ lục 4</i>). Chuẩn bị chương trình giám sát chất lượng nước, được trình bày trong Kế hoạch quản lý môi trường (EMP). <i>Áp dụng cho tất cả các Tiểu dự án của Hợp phần B</i>
10	Chất lượng nước trong các hồ chứa nước đa mục tiêu, tỉnh Hà Giang	Thực hiện Chương trình giám sát chất lượng nước hàng năm theo tiêu chuẩn chất lượng nước của Bộ Y tế. <i>Áp dụng cho Tiểu dự án 2, tỉnh Hà Giang</i>

<u>TT</u>	<u>Các tác động tiêu cực tiềm tàng</u>	<u>Các biện pháp đề xuất giảm thiểu</u>

5.2. Các tài liệu an toàn yêu cầu

Các tài liệu an toàn yêu cầu cho Dự án tuân thủ theo chính sách của Chính phủ Việt Nam và WB, được trình bày ở Bảng 5,

Bảng 5- Các tài liệu an toàn chuẩn bị theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và WB

<u>Yêu cầu của Chính phủ Việt Nam</u>	<u>Yêu cầu của WB</u>
Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) – Đánh giá môi trường là đánh giá các tác động và các rủi ro về môi trường của Dự án trong vùng bị ảnh hưởng; lựa chọn các phương án; xác định vị trí, quy hoạch, thiết kế và thực hiện để ngăn ngừa, giảm nhẹ, giảm thiểu hoặc bồi thường các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, và tăng cường các tác động tích cực; và bao gồm quá trình giảm thiểu và quản lý các tác động môi trường và xã hội thông qua việc thực hiện dự án.	Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) - EMP được chuẩn bị là một phần của EIA. Chi tiết của EMP về (a) các biện pháp giảm thiểu, giám sát và thể chế được tiến hành trong giai đoạn thực hiện và vận hành của dự án để loại bỏ hoặc giảm nhẹ các tác động của dự án đến mức độ có thể chấp nhận được; (b) các biện pháp tăng cường các tác động tích cực về môi trường và xã hội; và (c) các hành động cần thực hiện các biện pháp này.
Cam kết bảo vệ môi trường (EPC) – Công cụ này nêu lên các tác động tiêu cực nhỏ đến môi trường đối với các công trình đầu tư nhỏ.	Quy tắc môi trường thực tiễn (ECOPs) áp dụng cho dự án đầu tư nhỏ. Các biện pháp giảm thiểu chung cho các tác động xây dựng nhỏ. ECOP được chuẩn bị như là một phần của EMP và sẽ đưa vào trong hồ sơ thầu.

- Hướng dẫn chuẩn bị Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) ở trong Phụ lục 2;
- Hướng dẫn chuẩn bị Quy tắc môi trường thực tiễn ở trong Phụ lục 3;
- Hướng dẫn chuẩn bị Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) – theo Phụ lục 2.4, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ban hành ngày 18/07/2011;
- Hướng dẫn chuẩn bị Cam kết bảo vệ môi trường (EPC) – theo Phụ lục 5.1, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ban hành ngày 18/07/2011.

Các tài liệu an toàn môi trường yêu cầu được chuẩn bị cho các Tiểu dự án thực hiện năm thứ nhất được trình bày ở Bảng 6, dưới đây:

Bảng 6- Tài liệu an toàn môi trường yêu cầu cho các Tiểu dự án thực hiện năm thứ nhất

tt	Tiểu dự án (TDA)	<u><i>Yêu cầu của Chính phủ Việt Nam</i></u>		<u><i>Yêu cầu của WB</i></u>	
		Tài liệu yêu cầu	Cơ quan phê duyệt	Tài liệu yêu cầu	Cơ quan phê duyệt
1	TDA6 – Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh Trạm bơm Nam Sông Mã, Tỉnh Thanh Hóa	ĐTM	Sở TNMT và UBND tỉnh	EMP	WB
2	TDA9 – Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Nam	ĐTM	Sở TNMT và UBND tỉnh	EMP	WB
3	TDA4*- Nâng cấp và cải tạo các trạm bơm thủy luân và trạm bơm điện ở huyện Mai Châu, Tân Lạc, Lương Sơn, Cao Phong, Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.	ĐTM	Sở TNMT và UBND tỉnh	ECOP	WB

PHẦN VI – CÁC THỦ TỤC XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

6.1. Thủ tục xem xét và đánh giá

- Khung Quản lý Môi trường - Xã hội (ESMF), Khung chính sách tái định cư (RPF), Kế hoạch hành động tái định cư (RAP), dân tộc thiểu số Khung phát triển (EMDF) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) (nếu có) sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét, thông qua, và được sự chấp thuận của Bộ NN & PTNT.
- Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) có trách nhiệm chuẩn bị các Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Cam kết bảo vệ môi trường (EPC); Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) và ECOP, cũng như RPF, RAP, EMDF và EMDP. ĐTM sẽ giao nộp cho Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh (DONRE) xem xét, và trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt, trong khi EMP và ECOP sẽ được trình cho WB xem xét và thông qua. Cam kết bảo vệ môi trường (EPC) sẽ nộp cho Phòng Tài nguyên & Môi trường cấp huyện xem xét, và trình UBND Huyện ra quyết định phê duyệt. RPF, RAP, EMDF và EMDP sẽ được trình UBND Tỉnh và Bộ NN&PTNT phê duyệt.

▪

6.2. Thủ tục công khai thông tin

Tham vấn giữa các bên liên quan và các nhóm bị ảnh hưởng của dự án và các tổ chức xã hội ở địa phương (ví dụ: hội nông dân, hội phụ nữ, mặt trận tổ quốc, hội cựu chiến binh,...). Dự án cung cấp cho các nhóm được tham vấn các tài liệu liên quan một cách kịp thời trước khi tham vấn bằng tiếng Việt và dễ hiểu và dễ đọc.

Theo OP/BP 4.01, khi Bộ NN & PTNT chính thức nộp bản dự thảo về an toàn môi trường bao gồm ESMF, EMP và ECOP cho Ngân hàng, Ngân hàng sẽ công khai thông tin này bằng tiếng Anh ở Infoshop và Trung tâm phát triển thông tin của Việt nam (VDIC). Công khai bản thảo về an toàn môi trường sẽ được thực hiện trước sự khi bắt đầu thẩm định, ít nhất là 120 ngày. EMP và ECOP các tiểu dự án chuẩn bị trong thời gian thực hiện phải được công bố tại địa phương và VDIC bằng tiếng Việt trước khi thẩm định/phê duyệt.

Theo Điều 22 và 34 của Nghị định 29/2011/ND-CP, EIA và EPC sau khi được cơ quan có trách nhiệm phê duyệt sẽ được công khai tại văn phòng Ủy ban nhân dân xã, nơi đã tiến hành tham vấn cộng đồng, để thông báo cho người dân địa phương theo dõi và giám sát.

PHẦN VII– THỂ CHẾ THỰC HIỆN

7.1. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý, theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách an toàn.

Có nhiều cơ quan cấp Bộ, Cục, vụ Viện và chính quyền các địa phương liên quan đến thực hiện các chính sách an toàn. Tuy nhiên, Ban CPO/CPMU là cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT, chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ. Ở cấp tỉnh, Ban quản lý Tiểu Dự án tỉnh (PPMUs) sẽ có trách nhiệm thực hiện các Tiểu Dự án. Chi tiết như sau:

1/ Cấp quản lý nhà nước:

- **Bộ Nông nghiệp & PTNT** là cơ quan phê duyệt Khung Quản lý Môi trường – xã hội (ESMF), Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), và cung cấp kinh phí thực hiện các chính sách an toàn của WB cũng như Luật bảo vệ môi trường quốc gia.
- **CPO** – có trách nhiệm (i) cung cấp tài liệu hướng dẫn thực hiện chính sách an toàn môi trường và xã hội và (ii) giám sát và đánh giá dự án thực hiện chính sách an toàn môi trường và xã hội.
- **CPMU** –do CPO thành lập, dưới sự giúp đỡ của tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, có nhiệm vụ hướng dẫn, tổ chức, thực hiện chính sách an toàn cho dự án.

2/ Cấp tỉnh

- UBND tỉnh (PPC) chịu trách nhiệm phê duyệt tất cả các tài liệu bồi thường, tái định cư và dân tộc thiểu số, và Đánh giá tác động môi trường (EIA) của các tiểu dự án.
- Sở NN & PTNT có trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ các chính sách an toàn của WB và Luật bảo vệ môi trường quốc gia.
- Ban quản lý dự án tỉnh (PPMUs) –chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và thực hiện các chính sách an toàn của về môi trường và xã hội ở cấp Tiểu dự án theo Khung quản lý môi trường – xã hội (ESMF) này; kiểm tra các hoạt động hàng ngày của tiểu dự án, giám sát và quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tuân thủ an toàn môi trường-xã hội.

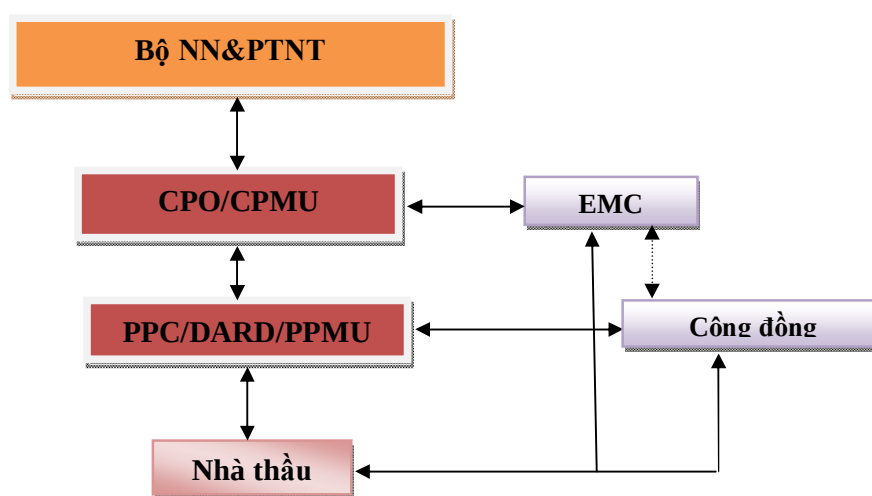
3/ Nhà thầu: Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm thực hiện các điều khoản về môi trường nêu trong hợp đồng đã ký với PPMU.

4/ Cộng đồng địa phương: Ban giám sát cộng đồng cấp xã/thôn được thành lập theo Quyết định số 80/2005/QĐ-CP ngày 18/04/2005 của Thủ tướng Chính Phủ về Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Ban giám sát cộng đồng có trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng, bao gồm cả tuân thủ chính sách an toàn môi trường – xã hội của Nhà thầu đang thực hiện trên địa bàn của họ.

5/ Tư vấn giám sát xây dựng (CMC): do PPMU thuê, có trách nhiệm giám sát và ghi chép hàng ngày về việc tuân thủ chính sách an toàn của nhà thầu;

6/ Tư vấn quản lý môi trường (nếu cần) sẽ:

- Thay mặt PPMU để thực hiện giám sát sự tuân thủ về môi trường theo như các điều khoản môi trường của các nhà thầu;
- Lập báo cáo tháng về việc tuân thủ môi trường của nhà thầu và gửi về PPMU, báo cáo này sẽ làm căn cứ để nhà thầu thanh toán kinh phí bảo vệ môi trường;
- Báo cáo PPMU những “phát hiện” trong khi xây dựng.



Hình 2 – Sơ đồ tổ chức thực hiện

7.2. Cơ chế giám sát nội bộ, giám sát từ bên ngoài, giám sát cộng đồng.

- **CPO** chịu trách nhiệm giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách an toàn môi trường tại Tiểu dự án.
- **PPMU** chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện hiệu quả các biện pháp an toàn; chuẩn bị các báo cáo tiến độ Tiểu Dự án kịp thời. PPMU sẽ thành lập một tổ môi trường-xã hội (ESU), trong đó có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về an toàn môi trường, có trách nhiệm hướng dẫn và nhắc nhở nhà thầu thực hiện tuân thủ các biện pháp an toàn môi trường.
- **Tư vấn giám sát chính sách an toàn môi trường (EMC):** EMC được CPO huy động, chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc tuân thủ các điều khoản môi trường của các nhà thầu; và chuẩn bị các báo cáo cần thiết, bao gồm:
 - o Báo cáo giám sát định kỳ về việc tuân thủ chính sách an toàn của PPMU và nhà thầu xây dựng trong các hoạt động xây dựng (6 tháng/lần);

- o Báo cáo giám sát chất lượng môi trường trong vùng Dự án, theo EMPs đã được phê duyệt.
 - o Báo cáo tham vấn cộng đồng với cộng đồng địa phương, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng của dự án về việc thực hiện các chính sách an toàn môi trường và xã hội;
 - o Báo cáo kết quả giải quyết các khiếu nại của PPMU và Nhà thầu;
 - o Báo cáo định kỳ (6 tháng/lần) về kết quả thực hiện an toàn an toàn môi trường và xã hội.
- **Ban giám sát cộng đồng (CSB)** là đại diện của những người bị ảnh hưởng và hưởng lợi của Dự án, có quyền giám sát các hoạt động của Nhà thầu và phản ánh các tồn tại (nếu có) do Nhà thầu gây ra, trực tiếp hoặc thông qua chính quyền địa phương đến cơ quan thực hiện (PPMU, CPMU, PPC). CSB sẽ bắt đầu thực hiện công việc của họ từ khi bắt đầu giai đoạn thực hiện của Tiểu dự án.

7.3. Cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện

- Sở Tài nguyên & Môi trường (DONRE): có trách nhiệm kiểm tra và xử lý các vi phạm của Nhà thầu, PPMU.
- Ban giám sát cộng đồng chịu trách nhiệm hàng ngày giám sát tuân thủ về an toàn môi trường trong xây dựng, và phản ánh với Chính quyền địa phương/PPMU về các sự cố, hoặc gọi điện thoại qua ‘đường dây nóng’ để kịp thời giải quyết. Ví dụ, nếu có bất cứ khiếu nại và khiếu kiện từ những người bị ảnh hưởng ở địa phương về thu hồi đất, đền bù, và các vấn đề liên quan khác về bảo vệ môi trường, thì các bên liên quan sẽ phải phối hợp giải quyết theo chính sách của nhà nước.

7.4. Yêu cầu báo cáo

Bảng 7- Yêu cầu báo cáo cho Kế hoạch quản lý môi trường Tiểu dự án

Báo cáo	Trách nhiệm chuẩn bị	Thời gian	Nộp cho
Các báo cáo chuẩn bị một lần trong khi thực hiện EMP			
Cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường Tiểu dự án (EMP cập nhật)	Tư vấn môi trường với sự trợ giúp của PPMU, CPMU	Một lần trong năm thứ nhất thực hiện Dự án, trước khi bắt	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,

Báo cáo	Trách nhiệm chuẩn bị	Thời gian	Nộp cho
		đầu xây dựng	
Kế hoạch quản lý môi trường chi tiết theo Hợp đồng (CSEP)	Nhà thầu	Một lần trong năm thứ nhất thực hiện Dự án, trước khi bắt đầu xây dựng	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,
Lịch lát kênh và Kế hoạch thực hiện chi tiết	PPMU, Nhà thầu	Một lần trong năm thực hiện hợp đồng, trước khi cắt nước	CPMU, PPMU, Nhà thầu,
Báo cáo hoàn thành việc rà phá bom mìn	Nhà thầu Bộ quốc phòng	Một lần trong năm đầu thực hiện dự án trước khi bắt đầu xây dựng	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,
Báo cáo an toàn đập	Tư vấn an toàn đập với sự trợ giúp của PPMU, CPMU	Một lần trong năm đầu thực hiện dự án trước khi bắt đầu xây dựng	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,
Quy tắc môi trường thực tiễn (ECOP),	PPMU với sự trợ giúp của tư vấn môi trường	Một lần trong năm đầu thực hiện dự án trước khi bắt đầu xây dựng, đưa vào trong hồ sơ thầu	PPMU, CPMU, WB
Các Báo cáo giám sát			
Báo cáo tuân thủ các điều khoản về môi trường của Nhà thầu	Tư vấn giám sát xây dựng (CMC)	Hàng tháng	PPMU, Nhà thầu
Báo cáo thực hiện an toàn môi trường	Tư vấn giám sát môi trường với hỗ trợ của PPMU	Hàng 6 tháng trong giai đoạn xây dựng	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,
Báo cáo thực hiện Kế hoạch IPM	DARD	01 lần/năm	WB, MARD, PPC, CPO/CPMU, PPMU,

7.5. Đào tạo và nâng cao năng lực

- *Đối tượng đào tạo:* Dự án sẽ tập huấn cho những cán bộ của CPMU, PPMU, Nhà thầu, chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) và cộng đồng người dân bị ảnh hưởng/hưởng lợi từ Dự án;

- *Nội dung đào tạo:* nội dung liên quan đến chính sách an toàn môi trường của WB, vai trò của cộng đồng trong công tác giám sát chất lượng xây dựng, và các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để thực hiện dự án.
- *Phương thức đào tạo:* đào tạo tập trung ở lớp học và đi tham quan trao đổi kinh nghiệm giữa các Tiểu dự án.
- *Thời gian đào tạo:* tổng cộng 5 lớp, mỗi lớp sẽ thực hiện trong 4-5 ngày, và có thể thực hiện 1 lớp/năm.
- *Giảng viên:* Tư vấn môi trường của Dự án.
- *Ước tính kinh phí đào tạo :* 150.000 USD

7.6. Chương trình truyền thông

Chương trình truyền thông của Dự án sẽ được CPMU thiết kế cho các Tiểu Dự án, với mục đích tuyên truyền, phổ biến thông tin thường xuyên đến cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

Nội dung của chương trình truyền thông là thông báo các thông tin về dự án, các hạng mục đầu tư của dự án, thu hồi đất, kiểm kê, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất sạch cho Dự án, kế hoạch và lịch thi công, các thông tin cần phổ biến cho người dân để họ có thể chủ động tránh các tác động tiêu cực của dự án đến cuộc sống hàng ngày.

Hình thức truyền thông chủ yếu là họp cộng đồng, bản tin phát trên loa đài của địa phương, và/hoặc trong chương trình của đài phát thanh của tỉnh/huyện, hoặc tờ rơi ở những vùng xa mà người dân sống phân tán.

Chương trình truyền thông được thực hiện theo các giai đoạn thực hiện dự án. Các thông báo của PPMU gửi đến chính quyền địa phương (huyện/xã), và chính quyền địa phương thông báo cho cộng đồng bằng loa đài địa phương/ hoặc các cuộc họp thôn xóm, bao gồm:

1- Giai đoạn chuẩn bị Tiểu Dự án:

- PPMU thông báo bằng văn bản cho chính quyền cấp huyện/xã/cộng đồng địa phương về việc chuẩn bị dự án; phạm vi Dự án, các hạng mục dự kiến đầu tư; dự kiến thời gian thực hiện; các vấn đề liên quan đến thu hồi đất và tái định cư (nếu có).
- Thông báo thời gian khảo sát thực địa, và thu hồi đất không tự nguyện vùng Tiểu dự án, và đề nghị Ban giám sát cộng đồng (CSB) tham gia giám sát thực hiện;
- Thông báo Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh và thời gian kiểm kê.

2- Giai đoạn thực hiện Tiểu dự án:

- PPMU thông báo bằng văn bản cho chính quyền địa phương/cộng đồng về gói thầu, nhà thầu, tiến độ xây dựng, ít nhất là 01 tháng trước khi bắt đầu thực hiện, để người dân có đủ thời gian thu hoạch hoa màu trên đất.
- PPMU thông báo công trình hoàn thành, mở thử nước trên kênh, vận hành máy bơm,... để người dân chủ động sử dụng nước.
- Nhà thầu phải thông báo cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng về tiến độ xây dựng ít nhất 2 tuần trước khi bắt đầu xây dựng. Nhà thầu phải có bảng thông báo về các thông tin của gói thầu tại vị trí xây dựng.

7.7. Ước tính Kinh phí

Kinh phí để hỗ trợ thực hiện hiệu quả chính sách an toàn, dự kiến tổng kinh phí thực hiện sẽ là 6,15 triệu USD, và khoảng 5,3 triệu USD là kinh phí đền bù. Dự án được dự kiến phân bổ như sau:

- Nghiên cứu Khả thi và các tài liệu an toàn của Dự án, ước tính 1,75 triệu USD (hoặc tương đương 1,0% kinh phí xây dựng công trình) để hỗ trợ cho công tác chuẩn bị các nghiên cứu khả thi chi tiết và các tài liệu an toàn của Dự án. Các Ban quản lý dự án tỉnh (PPMUs) sẽ thực hiện các nghiên cứu khả thi và các tài liệu an toàn với sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn trong nước sử dụng nguồn vốn đối ứng, và CPO sẽ xem xét đánh giá và quản lý chất lượng với sự hỗ trợ của các chuyên gia quốc tế trong nguồn kinh phí của WB.
- Thiết kế chi tiết và Giám sát Xây dựng. Chính phủ sẽ đầu tư kinh phí 1,75 triệu USD (tương đương 1% tổng kinh phí xây dựng) để thực hiện giám sát kỹ thuật công trình xây dựng cũng như giám sát an toàn. Kinh phí này sẽ dùng để huy động các đơn vị tư vấn trong nước để hỗ trợ cho các PPMUs/CPO thực hiện các nhiệm vụ này.
- Giám sát an toàn Môi trường và xã hội (500,000 USD) sẽ hỗ trợ cho giám sát môi trường các tác động có thể sinh ra từ các hoạt động đầu tư của Dự án. Quy mô và tần suất giám sát môi trường được trình bày trong EMP/ECOP, RAP và EMDP. Công tác giám sát sẽ do đội tư vấn giám sát độc lập thực hiện do CPO huy động. Báo cáo giám sát môi trường sẽ được chuẩn bị cho từng tiểu dự án hàng năm.
- Chương trình Hỗ trợ Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) (2,0 triệu USD) sẽ hỗ trợ thực hiện chương trình IPM cho các công trình thủy lợi (hệ thống tưới trong huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Bắc sông Chu - Nam sông Mã, Thanh tỉnh Hòa, hệ thống thủy lợi Kê Gổ, tỉnh Hà Tĩnh, La Ngà và Kinh-Hà hệ thống thủy lợi Trúc Thượng, tỉnh Quảng Trị, hệ thống thủy lợi Phú Quảng Ninh - Khe Tân-Vĩnh Trinh, tỉnh Quảng Nam), và các trang trại trình diễn hiệu quả lớn tất cả 07 tỉnh thuộc dự án. Hoạt động này đã được thiết kế dựa trên kiến thức hiện có và kinh nghiệm về IPM trong khu vực dự án và chủ yếu sẽ hỗ trợ: (a) nông dân áp dụng tốt IPM và sử dụng an toàn hóa chất bảo vệ thực vật; (b) nông dân

không sử dụng hóa chất nông nghiệp; (c) hỗ trợ đặc biệt cho người nghèo và người dễ bị tổn thương; và (d) cải tiến các quy định.

- Ước tính kinh phí đào tạo an toàn môi trường: 150,000 USD
- Thu hồi đất. Ước tính 5,3 triệu USD (hoặc khoảng 3% tổng kinh phí xây dựng của Hợp phần B) được sử dụng để chi trả cho thu hồi đất để thực hiện các công trình xây dựng của các tiểu dự án trong 07 tỉnh đã được xác định. Tuy nhiên, con số này có thể thay đổi trong giai đoạn thực hiện dự án do thay đổi và/ hoặc bổ sung công trình ở 07 tỉnh. Chi phí thu hồi đất tương đối nhỏ so với tổng chi phí xây dựng công trình vì hầu hết là các hoạt động sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình hiện có, số lượng công trình làm mới ít và có quy mô nhỏ. Chi phí cho thu hồi đất sẽ trích từ nguồn kinh phí đối ứng của Chính phủ, và sẽ được điều chỉnh trong khi chuẩn bị Kế hoạch Tái định cư (RAP) cho mỗi tiểu dự án.

PHẦN VIII– THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

8.1. Yêu cầu Tham vấn cộng đồng

Tham vấn. Ngân hàng Thế giới yêu cầu tham vấn cộng đồng với nhóm dự án bị ảnh hưởng và các tổ chức địa phương trong quá trình đánh giá môi trường. Bộ NN & PTNT / BQL dự án tỉnh tư vấn nhóm dự án bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương (NGOs) về các khía cạnh môi trường của dự án và thẩm định tài khoản. Bộ NN & PTNT / PPMU khởi tham vấn càng sớm càng tốt Các cuộc tham vấn công chúng sẽ cung cấp thông tin về dự án như: (a) các mục tiêu của dự án, các khoản đầu tư đề xuất, (b) kết quả đánh giá môi trường và tác động tiêu cực tiềm năng; (c) nghiên cứu bổ sung nếu cần thiết, và có quan điểm của họ vào tài khoản. Kết quả tham vấn sẽ được đưa vào EMP / ECOP. Yêu cầu tư vấn mở rộng với những người bị ảnh hưởng và dân tộc thiểu số trong trường hợp dự án đòi hỏi phải tái định cư, thu hồi đất và dân tộc thiểu số. Tham vấn với các nhóm như vậy sẽ được thực hiện quá trình thực hiện dự án là cần thiết để giải quyết các vấn đề liên quan đến địa bàn ảnh hưởng đến họ.

8.2. Tóm tắt thực hiện tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị Khung quản lý môi trường –xã hội (ESMF).

Để phù hợp với những yêu cầu của WB liên quan đến tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, một loạt các cuộc tham vấn cộng đồng đã được tư vấn môi trường thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị Dự án. Đợt tham vấn cộng đồng lần 1 được thực hiện vào tháng 12/2012 với các cơ quan cấp tỉnh, huyện của 07 tỉnh để trình bày về Dự án đầu tư và tiếp thu các ý kiến của chính quyền địa phương về Dự án đầu tư này. Đợt tham vấn lần 2 đã thực hiện ở các tỉnh trong vùng Dự án với đại diện của các xã hưởng lợi/bị ảnh hưởng của Dự án và các bên liên quan như đại diện hội nông dân, hội phụ nữ và đại diện người bị ảnh hưởng, được tổ chức vào tháng 2 và 3 năm 2013. Trong quá trình tham vấn cộng đồng, các đại biểu đã bày tỏ sự ủng hộ của họ đối với các công trình đầu tư đã được đề xuất, các công trình được đầu tư sẽ giải quyết mối quan tâm lâu dài của người dân địa phương để đảm bảo nước tưới tiêu cho phát triển nông nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản và tạo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân vùng cao, và nhờ đó có thể phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó họ cũng đã bày tỏ mối quan tâm của họ về việc bồi thường liên quan đến thu hồi đất và các biện pháp giảm thiểu các tác động trong giai đoạn xây dựng (như ngừng cung cấp nước trên kênh cho thi công, làm tuyến đường tránh hoặc cầu tạm cho dân đi lại,..). Thêm vào đó, tư vấn môi trường đã thực hiện tham vấn với một số hộ bị ảnh hưởng có thể bị di dời do thực hiện Dự án cũng là một phần công việc chuẩn bị Kế hoạch quản lý môi trường (EMPs).

Tóm tắt kết quả tham vấn cộng đồng ở 07 tỉnh trong vùng Dự án được trình bày dưới đây:

- 1- **Thời gian:** tham vấn 1, tháng 12/2012, và tham vấn 2 vào 27 tháng 2 và 20 tháng 3, năm 2013.
- 2- **Địa điểm:** Hội trường Ban QLDA Sở NN và PTNT các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam.
- 3- **Thành phần cuộc họp:**
 - Đại diện Sở NN & PTNT, Sở Tài nguyên & Môi trường, Ban Quản lý dự án phát triển nông thôn – Sở NN&PTNT (PPMU), Đơn vị quản lý và khai thác công trình thủy lợi.
 - Đại diện chính quyền cấp huyện, cấp xã vùng được hưởng lợi và bị ảnh hưởng của Tiểu Dự án các tỉnh,
 - Đại diện các tổ chức xã hội (hội nông dân, phụ nữ,...) và đại diện các hộ bị ảnh hưởng.
 - Đơn vị tư vấn: Viện nước, tưới tiêu và môi trường - Viện khoa học thủy lợi Việt Nam.

Tổng số người tham gia là 558 người, trong đó Hà Giang 52, Phú Thọ 58, Hòa Bình 76, Thanh Hóa 83, Tĩnh 133 Hà, Quảng Trị 47 và Quảng Nam 109.

4- Nội dung cuộc họp

Ban QLDA và Tư vấn môi trường trình bày (a) mục đích của Dự án, (b) các hoạt động chính và các hạng mục công trình chính của Tiểu dự án, (c) dự đoán các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu; và (d) trình bày các nghiên cứu bổ sung trong trường hợp cần thiết.

Các Tiểu dự án được đề cập đến trong quá trình tham vấn cộng đồng giai đoạn chuẩn bị dự án gồm:

- TDA1- Cải tạo, nâng cấp các Công trình thủy lợi huyện Bắc Quang, Quang Bình & Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; được triển khai trên địa bàn 13 xã và 2 thị trấn của 3 huyện.
- TDA2: Cải tạo nâng cấp Công trình thủy lợi và xây dựng hồ chứa nước đa mục tiêu 4 huyện vùng cao,; được triển khai trên địa bàn 10 xã của 4 huyện vùng cao, tỉnh Hà Giang
- TDA3: Cải thiện hệ thống thủy lợi Huyện Tam Nông, Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; được triển khai trên địa bàn 14 xã và 1 thị trấn của 2 huyện.
- TDA4: Nâng cấp, cải tạo các trạm bơm thủy luân và trạm bơm điện, tỉnh Hòa Bình;
- TDA5: Cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi, tỉnh Hòa Bình;
- TDA6: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã; được triển khai trên địa bàn 34 xã, thị trấn thuộc 2 huyện Yên Định và Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- TDA7: Khai thác đa mục tiêu hệ thống thủy lợi Kẻ Gỗ - Sông Rác, tỉnh Hà Tĩnh; được triển khai trên địa bàn 57 xã của 4 huyện, thành phố Hà Tĩnh.
- TDA8: Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Trị, được triển khai trên địa bàn 14 xã phường của 5 huyện.
- TDA9: Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Nam. Được triển khai trên địa bàn 5 huyện và Thành phố Tam Kỳ, với tổng số 43 xã phường.

5- Tóm tắt các ý kiến thảo luận:

(1) Sự đồng thuận của các đại biểu dự tham vấn

Toàn bộ 100% đại biểu đồng tình thực hiện dự án, và nhận thấy những lợi ích mà Dự án sẽ mang lại cho người dân, như :

- Cấp nước tưới và nước sinh hoạt cho người dân ở các huyện của Tỉnh Hà Giang (đặc biệt là nước ăn và nước phục vụ phát triển chăn nuôi ở 4 huyện vùng cao của Tỉnh Hà Giang;
- Đảm bảo cung cấp nước tưới ổn định để phát triển nông nghiệp cho những vùng thiếu nước tưới do hệ thống kênh mương và công trình đã bị hư hỏng (TDA 4, tỉnh Hòa Bình, TDA6 tỉnh Thanh Hóa, TDA7 tỉnh Hà Tĩnh, và TDA9 tỉnh Quảng Nam) và tưới và tiêu nước cho những vùng bị ngập úng (TDA3, Tỉnh Phú Thọ).
- Đảm bảo an toàn đập và cung cấp nước tưới ổn định để phát triển nông nghiệp cho các vùng thiếu nước do công trình đầu mối bị hư hỏng (TDA1, Tỉnh Hà Giang, TDA5 tỉnh Hòa Bình, TDA8 tỉnh Quảng Trị);

(2) Về tác động của Dự án đến môi trường:

Tỉnh Hà Giang:

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Có người dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng Dự án, nhưng không bị di dời do các hoạt động của Dự án;
- Diện tích thu hồi đất của dự án nhỏ do các công trình nhỏ gọn và tập trung.

Tỉnh Phú Thọ

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Thu hồi đất và tái định cư cho 13 hộ dân, diện tích thu hồi đất của dự án không nhiều do các công trình nhỏ gọn và tập trung. Chính quyền địa phương đã lập phương án di dời cho 13 hộ bị ảnh hưởng.

Tỉnh Hòa Bình

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Thu hồi đất cho Dự án với diện tích thu hồi đất của dự án không nhiều do các công trình nhỏ và gọn. Không có tái định cư.

Tỉnh Thanh Hóa

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Di dời 12 ngôi mộ, không có tái định cư,
- Đất bị thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp dọc theo tuyến kênh. Đất ở bị thu hồi nhỏ, chỉ có công trình phụ bị ảnh hưởng.

Tỉnh Hà Tĩnh

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Trong quá trình thi công thực hiện dự án không thể tránh khỏi các tác động tiêu cực đối với môi trường như: khói bụi, tiếng ồn và các chất thải khác... Tuy nhiên các yếu tố này không quá nguy hại và có thể giảm thiểu được.

Tỉnh Quảng Trị

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Không có hộ dân nào phải di dời, diện tích thu hồi đất của dự án không nhiều do các công trình nhỏ và gọn.

Tỉnh Quảng Nam

- Các hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến đất lâm nghiệp.
- Thu hồi đất nông nghiệp của 40 hộ dân, với tổng diện tích đất thu hồi nhỏ 0,29ha.

6- Kiến nghị của các địa phương trong vùng dự án:

- Yêu cầu chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.
- Yêu cầu chủ dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sớm góp phần cải thiện nông nghiệp cho địa phương.

7- Kết luận:

- Tất cả người tham gia là toàn đồng ý với đề xuất đầu tư và các hoạt động của dự án.
- Những tác động tích cực của dự án mang lại cho người dân (cung cấp nước tưới ổn định cho nông nghiệp, nước uống cho người dân và vật nuôi, thoát nước ở các vùng đất thấp), và tác động tiêu cực có thể được dự đoán và giảm thiểu.
- Chủ dự án cần phải thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn xây dựng, đã được trình bày trong các cuộc tham vấn.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1- MÔ TẢ 09 TIỂU DỰ ÁN VÀ DANH MỤC CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH

PHỤ LỤC 2- ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (EMP)

PHỤ LỤC 3- QUY TẮC MÔI TRƯỜNG THỰC TIỄN (ECOP)

PHỤ LỤC 4- KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPMP)

PHỤ LỤC 1- MÔ TẢ 09 TIỂU DỰ ÁN VÀ DANH MỤC CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH

Ba (03) Tiểu Dự án sẽ được thực hiện vào năm thứ nhất (TDA6, TDA9 và TDA4).

- (1) **TDA4 – Nâng cấp, cải tạo các trạm bơm thủy luân và trạm bơm điện thực hiện ở 10 xã thuộc 05 huyện Lương Sơn, Lạc Sơn, Tân Lạc, Cao Phong, và Mai Châu, tỉnh Hòa Bình**, tưới cho 1048ha lúa và hoa màu. Mục tiêu chính của TDA4 được nâng cấp và cải tiến của 10 đập, 09 trạm bơm tua bin và 01 trạm bơm điện có bị hư hỏng bởi nhiều năm hoạt động, cung cấp nước và điện kết hợp xay xát lúa. Số lượng người hưởng lợi sau khi hoàn thành TDA4 là 21.448 người, trong đó 9.281 người dân tộc thiểu số (43%);
- (2) **TDA6 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Sông Mã**, tỉnh Thanh Hóa. Hệ thống thủy lợi Nam Sông Mã có nhiệm vụ tưới cho 11.154ha và cấp nước cho diện tích ao nuôi thủy sản 450ha, bằng trạm bơm Nam Sông Mã lấy nguồn nước từ Sông Mã. Hiện tại hệ thống này mới đảm bảo được diện tích tưới là 6836ha (đạt 61% so với yêu cầu), số diện tích còn lại khoảng 39% lấy nước từ các trạm bơm lấy nước từ sông Chu, sông Mã, sông Cầu Chày hoặc bơm nước từ kênh tiêu lên tưới. Tuy nhiên, do tác động của biến đổi khí hậu nên trong những năm gần đây mực nước mùa kiệt các sông xuống thấp hơn mực nước trung bình nhiều năm từ (0,3 ÷ 0,9)m; các trạm bơm không thể hoạt động theo công suất thiết kế, dẫn đến tình trạng hạn nặng xảy ra thường xuyên, nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa, thiếu nước tưới và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Vùng Tiểu Dự án bao trùm hai huyện Yên Định và Thiệu Hóa. Tổng số dân 871.401 người/215.605 hộ. Có trên 80% số hộ có thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp. 100% số hộ trong vùng Tiểu dự án là người Việt, không có người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ nghèo 16.4%. Mục tiêu chính của TDA đề xuất sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh và công trình để có thể lấy nước tự chảy từ nguồn nước Hồ Cửa Đạt cấp cho toàn bộ diện tích 11.154ha, đóng cửa trạm bơm tưới Nam Sông Mã¹⁰. Tổng số người hưởng lợi sau khi TDA6 hoàn thành là 195.000 người.
- (3) **TDA9- Cải thiện nền nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Nam (Hệ thống tưới Hồ chứa nước Phú Ninh và Khe Tân)**. Vùng Tiểu dự án nằm ở miền nam trung bộ, nơi hàng năm chịu nhiều thiên tai như lũ lụt, hạn hán, trượt lở đất, nhiễm mặn vùng cửa sông Hệ thống tưới Phú Ninh và Khe Tân bao trùm các huyện Núi Thành, Phú Ninh, Thăng Bình, Quế Sơn, Duy Xuyên và Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, với tổng dân số là 385.165 người, và 100% là người Việt, không có người dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng Tiểu Dự án. Số hộ làm nông nghiệp chiếm 80% tổng số hộ trong vùng Tiểu dự án.

¹⁰ Nguồn: Báo cáo FS dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7)

Tỉ lệ nghèo từ 10,1-17,3%. Hệ thống tưới Phú Ninh có nhiệm vụ tưới cho 19.427ha và cấp nước sinh hoạt cho khoảng 200.000 người với lưu lượng 0,23m³/s. Hệ thống tưới Khe Tân có nhiệm vụ tưới cho 3.500ha, nhưng hiện tại chỉ tưới được cho 2.100ha (đạt 60% yêu cầu), đất còn lại bỏ hoang do thiếu nước tưới. Hệ thống tưới Phú Ninh đã được Dự án VWRAP (WB3) đầu tư sửa chữa nâng cấp công trình đầu mối, và một số đoạn kênh chính, kênh nhánh và công trình trên kênh và lắp đặt hệ thống SCADA. Mục tiêu chính của TDA9 là cải tạo, nâng cấp một số đoạn kênh và công trình bị hư hỏng và làm đoạn kênh tưới mới (N30) dài 4,5km dẫn nước từ kênh chính Bắc vượt qua sông Bà Rén tưới cho diện tích 1.800ha thường xuyên bị nhiễm mặn và đóng cửa 05 trạm bơm tưới cho diện tích này vì nguồn nước bị nhiễm mặn không hoạt động được¹¹. Tổng số người hưởng lợi là 406.760 người.

Các tiểu Dự án sẽ thực hiện vào giai đoạn 2,

- (4) **Hệ thống tưới Hà Giang (TDA1 và TDA2).** Hà Giang nằm ở cực Bắc của Việt Nam, địa hình khá phức tạp đồi núi chiếm 70% diện tích tự nhiên, có thể chia làm 3 vùng: Vùng cao núi đá phía bắc nằm sát chí tuyến bắc, có độ dốc khá lớn, thung lũng và sông suối bị chia cắt nhiều. Vùng cao núi đất phía tây thuộc khối núi thượng nguồn sông Chảy, sườn núi dốc, đèo cao, thung lũng và lòng suối hẹp. Vùng thấp trong tỉnh gồm vùng đồi núi, thung lũng sông Lô và Thành phố Hà Giang. Hệ thống thủy lợi thường có quy mô nhỏ, nguồn nước từ các hồ chứa, đập dâng, khe suối phục vụ cho sinh hoạt, chăn nuôi và tưới ruộng.

TDA1- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi huyện Bắc Quang, Quang Bình và Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, với mục tiêu chính cung cấp nước tưới cho 2.771 ha lúa và hoa màu, 17 ha ao nuôi thủy sản, và cấp nước sinh hoạt cho 15.662 người. Khi hoàn thành TDA1 có 25.771 người được hưởng lợi, trong đó có 11.210 người dân tộc thiểu số (43%). TDA1 sẽ nâng cấp, sửa chữa và cải tạo 09 đập đất nhỏ (chiều cao lớn nhất là 14m), nâng cấp, sửa chữa 23 đập tràn, và nâng cấp, sửa chữa và gia cố hệ thống kênh và đường ống dẫn nước.

TDA2- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hồ chứa nước đa mục tiêu 04 huyện vùng cao tỉnh Hà Giang, trên địa bàn các huyện Đồng Văn, Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc là 04 huyện vùng cao của Tỉnh Hà Giang, có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống H'mông, Tày, Hán, Hoa, Dao, Nùng, Cờ Lao; Sán Cháy; Bố Y, chiếm hơn 90%. Người dân sống chủ yếu dựa vào nguồn thu nhập từ chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn và gia cầm. Sản lượng lúa cả năm chỉ chiếm 19%, sản lượng ngô lớn chiếm 79% tổng sản lượng lương thực, ngoài ra còn có các loại cây trồng khác như lạc, đậu tương, rau các loại. Người dân phải đi lấy nước sinh hoạt từ các khe suối hoặc đi xuống vùng thấp cách xa nhà, có địa điểm phải đi xa từ 5-7km. Vì thế không đủ nước sinh hoạt và chăn nuôi. Năng suất cây trồng như lúa, ngô và các loại rau đậu rất thấp do thiếu nước tưới. Khi hoàn thành TDA2, có 16.954 người được sử dụng nước sạch cho sinh hoạt, chăn nuôi và tưới cho cây trồng, trong đó có 3.687 người dân tộc thiểu số (22%). Quy mô xây dựng 16 hồ

¹¹ Nguồn: Báo cáo FS dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7)

chứa nước đa mục tiêu, có dung tích từ 3000-5000m³ nước và 01 hồ có dung tích 56.100m³ nước, và kênh dẫn nước bằng bê tông, có mặt cắt chữ nhật.

- (5) **TDA3 - Cải thiện hệ thống thủy lợi huyện Tam Nông và Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.** Tỉnh Phú Thọ là vùng miền núi chuyển tiếp sang đồng bằng nên địa hình dốc chiếm ưu thế ở Phú Thọ. Địa hình của tỉnh bị chia cắt bởi các sông ngòi lớn như: sông Thao, sông Lô, sông Đà, Sông Chảy,vùng núi chiếm 79%, vùng trung du chiếm 14,35%, vùng đồng bằng chiếm 6,65% diện tích tự nhiên toàn tỉnh; diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người thấp 526m²/người¹² và phân tán. Mục tiêu chính của TDA3 là tiêu úng cho diện tích 16,765ha đất canh tác thường xuyên bị ngập úng hàng năm, cấp nước tưới cho 788ha đất canh tác bị hạn do thiếu nước tưới của 14 xã thuộc hai huyện Tam Nông và Thanh Thủy. Lưu vực tiêu trạm bơm Đậu Dương có 78.6% đất nông nghiệp, đất rừng chiếm 1/3 tổng diện tích đất nông nghiệp, và toàn bộ là rừng trồng, không có rừng nguyên sinh. Lưu vực tiêu trạm bơm Đoàn Hạ, có 65.7% đất nông nghiệp, trong đó đất rừng trồng chiếm khoảng 1/5 diện tích đất nông nghiệp. Nguồn thu nhập chính của người dân từ sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ nghèo trung bình ở vùng Tiểu dự án là 20%. Dân tộc Việt sinh sống trên vùng Tiểu Dự án 100%, không có người dân tộc thiểu số. Quy mô TDA3 bao gồm xây dựng 02 trạm bơm tiêu để tiêu nước ra Sông Đà và Sông Hồng, cải tạo và nâng cấp 05 trạm bơm tưới và kiên cố 3468km kênh nội đồng và xây dựng 02 cầu dân sinh qua kênh. Tổng số người hưởng lợi sẽ là 76.705 người sau khi hoàn thành TDA3.

- (6) **TDA5 – Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi Tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.** Tỉnh Hòa Bình là một tỉnh miền núi, địa hình đồi núi xen lẫn thung lũng và vùng đồng bằng, vì thế hệ thống thủy lợi thường có quy mô nhỏ, như các hồ chứa, đập dâng, trạm bơm thủy luân, trạm bơm điện và hệ thống kênh nhỏ, phân tán. TDA5- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, tỉnh Hòa Bình bao phủ 14 xã thuộc 6 huyện Lạc Thủy, Kim Bôi, Lương Sơn, Lạc Sơn, Tân Lạc và Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, đảm bảo cấp nước tưới cho 3.328ha lúa và hoa màu, và diện tích ao nuôi thủy sản 472,2ha. Tổng cộng có 16 cụm công trình, gồm 25 hồ chứa nước và 03 bai đập dâng. Tổng số người hưởng lợi từ TDA5 là 21.340 người, trong đó 5.687 người dân tộc thiểu số (26,6%), chủ yếu là dân tộc Mường.

- (7) **TDA7 – Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thủy lợi đa mục tiêu Kẻ Gỗ và Sông Rác, tỉnh Hà Tĩnh.** Hệ thống thủy lợi Kẻ Gỗ và Sông Rác có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho 26.838ha đất canh tác, ao nuôi trồng thủy sản 1.287ha, cấp nước sinh hoạt cho 253.298

¹² Số liệu điều tra của Tư vấn môi trường Dự án WB7, tháng 4/2013.

người của 04 huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, TP. Hà Tĩnh (tổng cộng 21 xã), với tổng số dân 314.053 người/84.379 hộ, chiếm 58% tổng dân số toàn tỉnh.

Hệ thống thủy lợi Kê Gổ có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho 20.003ha đất canh tác, 1087ha ao nuôi thủy sản và cung cấp nước sinh hoạt 1,65m³/s. Hệ thống Kê Gổ đã được Dự án VWRAP (WB3) đầu tư nâng cấp an toàn công trình đầu mối, kiên cố, hiện đại hóa hệ thống kênh chính, các tuyến kênh cấp 1, một số kênh cấp 2 và kênh cấp 3 và khu tưới mẫu N3,5 và N4,6 và đã mang lại hiệu quả rõ rệt: Diện tích tưới được tăng lên từ 12.400 ha (năm 2006), tăng lên 14.000 ha (năm 2011); Tiết kiệm nguồn nước tưới khoảng 40 triệu m³/năm (trước khi nâng cấp lượng nước tiêu hao cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu vào khoảng 260 triệu m³/năm; sau khi nâng cấp lượng nước tiêu hao chỉ còn khoảng 220 triệu m³/năm)¹³. Tuy nhiên, một phần diện tích canh tác (7.563ha) vẫn thiếu nước do hệ thống kênh và công trình bị hư hỏng. Hệ thống thủy lợi Sông Rác có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 8.150ha đất canh tác, nhưng hiện tại chỉ đáp ứng được 52% (4.200ha) so với yêu cầu. Ở những khu vực cuối kênh, nước thường đến chậm 25 ngày, không đáp ứng nhu cầu nước theo thời kỳ phát triển của cây trồng, dẫn đến giảm năng suất và có khi mất trắng. Mục tiêu chính của TDA7 là cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và công trình trên kênh để đảm bảo chuyển đủ nước đến người sử dụng, và lắp đặt các công trình đo mực nước, và lưu lượng trên kênh để hỗ trợ công tác quản lý nước hiệu quả.

- (8) **TDA8 - Cải thiện nền nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (hệ thống thủy lợi Hồ La Ngà và Trúc Kinh).** Vùng Tiểu dự án nằm trong vùng thường xuyên bị thiên tai như lũ lụt, hạn hán, trượt lở đất, nứt đất, nhiễm mặn vùng cửa sông, thuộc hệ thống tưới La Ngà bao phủ 03 xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy thuộc huyện Vĩnh Linh, và hệ thống tưới Trúc Kinh-Hà Thượng bao phủ 11 xã, phường thuộc các Huyện Gio Linh (xã Gio Quang, Gio Mai, Gio Thành, Gio Mỹ, Gio Việt, Gio Châu, TT. Gio Linh), Huyện Cam Lộ (xã Cam An, Cam Thanh), TP. Đông Hà (xã Đông Giang, Đông Thanh). Hệ thống tưới La Ngà và Trúc Kinh có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho 4.350ha đất canh tác, 650ha ao nuôi thủy sản và tiêu cho 300ha. Tổng dân số 66.453 người sinh sống trong vùng Tiểu dự án. Tỷ lệ hộ nghèo 16% của toàn vùng Tiểu dự án. Không có người dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng Tiểu dự án. Số hộ làm nông nghiệp chiếm 80% tổng số hộ trong vùng. Mục tiêu chính của TDA8 là nâng cấp đập chính, đập phụ, và cống lấy nước, đường quản lý và hệ thống kênh và thay thế các công trình trên kênh bị hư hỏng, để đảm bảo cung cấp nước cho diện tích canh tác yêu cầu.

¹³¹³ Báo cáo FS Khai thác đa mục tiêu hệ thống thủy lợi Kê Gổ, Sông Rác, tỉnh Hà Tĩnh, năm 2013

PHỤ LỤC 1.1- ƯỚC TÍNH PHẠM VI TÁC ĐỘNG XÃ HỘI TRONG DỰ ÁN (HỢP PHẦN B)

No.	Tỉnh	Tên Tiểu dự án	Thu hồi đất tạm thời (ha)	Thu hồi đất vĩnh viễn (ha)	Thu hồi đất ở (ha)	Tổng số hộ bị ảnh hưởng	Tổng số hộ tái định cư	Tổng số hộ dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng	Số ngôi mộ bị ảnh hưởng	Số người hưởng lợi		Số người dân tộc thiểu số hưởng lợi
										Trước dự án	Sau dự án	Trước dự án
Tiểu Dự án năm thứ nhất (Giai đoạn 1)												
1	Hòa Bình	TDA 4- Cải tạo nâng cấp các trạm bơm thủy luân và bơm điện,	1.25	0.0594	0	51	0	17	0	12.873	21.448	9.281
2	Thanh Hóa	TDA 6 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã	10	44,27	2,28	3700 (16 hộ bị ảnh hưởng nặng)	0	0	12	115.663	195.000	0
3	Quảng Nam	TDA9 - Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Nam	0	0,2498	0,0381	36	0	0	0	250.723	406.760	0
		Tổng	11,25	44,5792	2,3181	3,787	0	17	12	379.259	623.208	9.281
Ước tính số tiểu dự án được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án (Giai đoạn 2)												
4	Hà Giang	TDA 1- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi tỉnh Hà Giang	24,6	13,2	0	24	0	22	0	12.886	25.771	11.210
5	Hà Giang	TDA 2- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi và xây dựng hồ chứa đa mục tiêu 4 huyện vùng cao Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo	3,84	12,45	0	10	0	10	0	4.239	16.954	3.687

No.	Tỉnh	Tên Tiểu dự án	Thu hồi đất tạm thời (ha)	Thu hồi đất vĩnh viễn (ha)	Thu hồi đất ở (ha)	Tổng số hộ bị ảnh hưởng	Tổng số hộ tái định cư	Tổng số hộ dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng	Số ngôi mộ bị ảnh hưởng	Số người hưởng lợi		Số người dân tộc thiểu số hưởng lợi
										Trước dự án	Sau dự án	
		Vạc										
6	Phú Thọ	TDA3 - Cải thiện hệ thống Thủy lợi Huyện Tam Nông và Huyện Thanh Thủy	0	0,89	0,37	35	13	0	0	61.512	76.705	0
7	Hòa Bình	TDA 5- Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi tỉnh Hòa Bình	10,54	8,09	0	11	0	9	0	8.535	21.340	5.678
8	Hà Tĩnh	TDA 7 - Khai thác đa mục tiêu hệ thống thủy lợi Kê Gỗ -Sông Rác, tỉnh Hà Tĩnh	3,2	3,14	0	535	0	0	0	155.738	253.298	0
9	Quảng trị	TDA8 – Cải thiện nông nghiệp có tưới Tỉnh Quảng Trị	51,9	13,65	0	151 Hộ & 5 UBND xã	0	0	7 mộ & 01 nhà thờ	42.069	66.453	0
		Tổng	94,08	51,42	0,37	766 hộ & 5 UBND xã	13	41	7 mộ & 01 nhà thờ	284.977	460.521	20.575
		TỔNG CỘNG	105,33	95,9992	2,6881	4.553 hộ & 5 UBND xã	13	58	19 mộ & 01 nhà thờ	664.237	1.083.729	29.857

PHỤ LỤC 2- MẪU BÁO CÁO KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (EMP)

Tóm tắt

1. **Giới thiệu** – cung cấp tóm tắt thông tin phù hợp về mục đích của EMP và mối liên quan của nó với ESMF và Dự án.

2. Khung pháp lý và chính sách

2.1 Các quy định của Chính phủ Việt Nam - trình bày mô tả tóm tắt các quy định của Chính phủ Việt Nam liên quan đến ĐTM và các tiêu chuẩn áp dụng cho Tiểu dự án.

2.2 Chính sách an toàn của WB – liệt kê các chính sách an toàn của WB được áp dụng.

3. **Mô tả Dự án**– trình bày mô tả tiểu dự án, bao gồm bản đồ vị trí vùng dự án chi tiết cho vùng tiểu dự án; Thông tin này sẽ cung cấp cho người đọc không biết về vùng dự án có thể hiểu vấn đề rõ hơn.

4. **Cơ sở dữ liệu** – trình bày thông tin chính về môi trường nền của tiểu dự án cũng như mối quan hệ của nó với vùng dự án, bao gồm các bản đồ; Tập trung đưa ra những số liệu về địa hình, sử dụng đất và sử dụng nước, loại đất (đất phèn (ASS) hoặc không), dòng chảy nước và chất lượng nước/ô nhiễm nước. Mô tả tóm tắt về tình hình kinh tế xã hội và dân tộc thiểu số (EM).

5. **Các tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu** – trình bày kết quả sàng lọc an toàn theo các chỉ tiêu đề cập trong ESMF, nhận định các tác động tiềm tàng (tích cực và tiêu cực) và các biện pháp giảm thiểu; các tác động nên được trình bày theo các giai đoạn của dự án: trước khi xây dựng, giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành; sử dụng bảng ma trận có thể giúp cho người đọc hiểu được rõ hơn mối liên hệ giữa các tác động và biện pháp giảm thiểu. Các biện pháp giảm thiểu nên bao gồm chương trình thông tin và cơ chế giải quyết khiếu nại để giải quyết các tác động xã hội.

6. **Giám sát** – Giám sát môi trường trong khi thực hiện dự án, đưa ra các thông tin về các khía cạnh môi trường chính, đặc biệt là các tác động của dự án và hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu. Giám sát trình bày (a) mô tả cụ thể và chi tiết kỹ thuật của các biện pháp giám sát, bao gồm các thông số được đo đạc, các phương pháp sử dụng, vị trí lấy mẫu, tần suất đo đạc, giới hạn phát hiện (nếu phù hợp), và xác định các ngưỡng mà sẽ là dấu hiệu cần có các biện pháp khắc phục; và (b) các thủ tục giám sát và báo cáo để (i) đảm bảo phát hiện sớm các tình trạng cần thiết có các biện pháp giảm thiểu cụ thể, và (ii) cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả giảm thiểu.

7. **Sắp xếp thực hiện** – giải thích các cơ quan có trách nhiệm (bao gồm năng lực của họ để thực hiện các hoạt động đã được xác định trong EMP và yêu cầu đào tạo), tiến độ thực hiện, ước tính chi phí, và làm sao để EMP sẽ được thực hiện trong tiểu dự án, bao gồm cả ECOP được chỉ ra một cách rõ ràng trong các hồ sơ thầu của các nhà thầu.

8. **Tham vấn và công bố thông tin** – trình bày tóm tắt các hoạt động tham vấn và các bên liên quan đến EMP tại cấp tiểu dự án (Điều này sẽ được kết hợp với RAP) và nêu ra các mối quan tâm và trả lời. Cung cấp địa điểm và ngày tháng thực hiện tham vấn cộng đồng.

PHỤ LỤC 3- QUY TẮC MÔI TRƯỜNG THỰC TIỄN (ECOP)

I. Mục tiêu

Bộ quy tắc môi trường thực tiễn (ECOPs) được xây dựng để làm hướng dẫn cho quá trình lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu mà các nhà thầu xây dựng cần phải thực hiện trong quá trình thi công của Dự án.

II. Phạm vi và Áp dụng

- 1- ECOPs này sẽ được áp dụng cho các công trình có quy mô nhỏ, của Hợp phần B của Dự án WB7 (không phải lập Kế hoạch quản lý môi trường (EMPs)). ECOP sẽ là một phần của Hợp đồng xây dựng để Nhà thầu thực hiện tuân thủ các biện pháp an toàn môi trường trong giai đoạn thi công. Các kỹ sư hiện trường và cán bộ giám sát hiện trường sẽ chịu trách nhiệm giám sát nhà thầu tuân thủ ECOPs và lập báo cáo theo yêu cầu. Các nhà thầu sẽ cam kết tuân thủ ECOP trước khi bắt đầu xây dựng.
- 2- Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt nam liên quan đến bảo vệ môi trường được liệt kê dưới đây và phải được xem xét đầy đủ, bao gồm QCVN/TCVN về:
 - Môi trường nước (QCVN 01:2009/BYT, QCVN 02:2009/BYT, QCVN 08:2008/BTNMT, QCVN 09:2008/BTNMT, QCVN 10:2008/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 5502:2003; TCVN 6773:2000, TCVN 6774:2000, TCVN 7222:2002);
 - Môi trường không khí và đất (QCVN 05:2008/BTNMT, QCVN 06:2008/BTNMT, QCVN 07:2008/BTNMT,
 - Quản lý chất thải rắn (QCVN 03:2008/BTNMT, TCVN 6438:2001, TCVN 6696:2009, QCVN 07:2009);
 - Độ rung và tiếng ồn (QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, TCVN 5949: 1998)
 - Sức khỏe và an toàn lao động: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, hóa chất – ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.

III. Trách nhiệm

Ban quản lý dự án tỉnh (PPMU) và Nhà thầu là các cơ quan chính chịu trách nhiệm thực hiện ECOPs này, bao gồm:

(a) PPMU

- **PPMU chịu trách nhiệm đảm bảo rằng ECOPs được thực hiện hiệu quả.** PPMU sẽ cử nhân viên có trình độ chịu trách nhiệm giám sát các nhà thầu thực hiện (a) tuân thủ chính sách an toàn trong giai đoạn xây dựng; (b) tiến hành khắc phục hậu quả xảy ra khi không tuân thủ và/hoặc xuất hiện các tác động tiêu cực; (c) điều tra khiếu nại, đánh giá và xác định các biện pháp khắc phục; (d) tư vấn cho nhà thầu về cải thiện môi

trường, nâng cao nhận thức, và các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm; (e) giám sát các hoạt động của nhà thầu về việc trả lời các khiếu nại; (f) hướng dẫn và tập huấn trên công trường cho các cán bộ kỹ thuật hiện trường về các khía cạnh khác nhau để tránh hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn đến môi trường và cộng đồng địa phương trong giai đoạn xây dựng.

- PPMU có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo an toàn và nộp CPO;

(b) Nhà thầu:

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện công việc theo hợp đồng. Nhà thầu sẽ duy trì liên lạc với PPMU và người dân địa phương, và luôn thông báo cho họ về các hoạt động xây dựng có khả năng ảnh hưởng đến họ.
- Nhà thầu có nghĩa vụ đảm bảo có giấy phép và cấp phép phù hợp trước khi tiến hành công tác xây dựng; Và sử dụng các tiêu chuẩn phù hợp hiện hành tại thời điểm trao các hợp đồng. Nhà thầu phải tuân thủ pháp luật hiện hành tại thời điểm xây dựng, bao gồm các yêu cầu về sức khỏe và an toàn.

IV. Quản lý công trường thi công

Nhà thầu được yêu cầu giảm thiểu ở mức tối đa bất kỳ tác động bất lợi về môi trường của các hoạt động xây dựng. Tất cả các giấy phép và phê chuẩn thích hợp đối với các hoạt động tại công trường sẽ được đảm bảo kịp thời. Các biện pháp chính như sau:

(i) Yêu cầu chung đối với công trường xây dựng – áp dụng cho tất cả các Tiểu dự án

<i>tt</i>	<i>Hang muc</i>	<i>Biên pháp giảm thiểu</i>
1	<i>Mặt bằng công trường.</i>	- Tổng mặt bằng công trường xây dựng phải được thiết kế và phê duyệt theo quy định, phù hợp với địa điểm xây dựng, diện tích mặt bằng công trường, điều kiện khí hậu tự nhiên nơi xây dựng, đảm bảo thuận lợi cho công tác thi công, an toàn cho người, máy móc và xe cộ trên công trường và khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng của thi công xây dựng.
	<i>Sắp xếp, tổ chức công trường</i>	- Vật tư, vật liệu phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp. Không được để các vật tư, vật liệu và các chướng ngại vật cản trở đường giao thông, đường thoát hiểm, lối ra vào chữa cháy. Kho chứa vật liệu dễ cháy, nổ không được bố trí gần nơi thi công và lán trại. Vật liệu thải phải được dọn sạch, đổ đúng nơi quy định. Hệ thống thoát nước phải thường xuyên được thông thoát đảm bảo mặt bằng công trường luôn khô ráo.
	<i>Các biển báo</i>	- Trên công trường phải có biển báo theo quy định tại Điều 74 Luật Xây dựng (Chính phủ Việt Nam). Tại công chính ra vào phải có sơ đồ tổng mặt bằng công trường, treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường như đường hào, hố móng, hố ga phải có rào chắn, biển báo, và hướng dẫn đề phòng

		tai nạn, ban đêm phải có đèn tín hiệu.
	<i>Giữ gìn vệ sinh môi trường.</i>	- Nhà thầu xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động và đảm bảo môi trường xung quanh, bao gồm các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Đối với những công trình xây dựng trong các khu vực có dân cư phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định. Quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi mình gây ra.
	<i>An toàn điện</i>	- Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng trên công trường phải riêng rẽ, có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực thi công. Công nhân, máy và thiết bị thi công trên công trường phải được đảm bảo an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng. Những người tham gia thi công xây dựng phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.
	<i>An toàn cháy nổ.</i>	- Trên công trường, nhà thầu phải bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy phải có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo khi xảy ra cháy kịp thời phát hiện để ứng phó.

(ii) Yêu cầu khi thi công xây dựng – áp dụng chung cho tất cả các Tiểu Dự án

- Giờ làm việc: giờ làm việc chính từ 07:00 đến 17:00 vào các ngày trong tuần, và từ 07:00 đến 12:00 vào ngày thứ Bảy. Hoạt động gây tiếng ồn sẽ không được diễn ra ngoài những giờ này nếu như không có sự chấp thuận trước của PPMU.
- Trước khi khởi công xây dựng phải có thiết kế biện pháp thi công được duyệt, trong đó có thuyết minh hướng dẫn về kỹ thuật và các chỉ dẫn thực hiện.
- Thi công xây dựng phải tuân thủ theo thiết kế được duyệt, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật.
- Biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn phải được xem xét định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh cho phù hợp với thực trạng của công trường.
- Tổ chức, cá nhân phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định. Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được huấn luyện an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định.

- Máy móc, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động, máy và thiết bị thi công phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.
- Những người khi tham gia thi công xây dựng trên công trường phải được khám sức khỏe, tập huấn về an toàn và được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định của pháp luật về lao động.

(iii) Giải phóng mặt bằng và hoàn trả công trường xây dựng sau khi hoàn thành

Sau khi hoàn thành các công trình, các nhà thầu sẽ dọn sạch và loại bỏ tất cả các vật liệu, rác thải và các công trình tạm thời. Các hư hỏng ảnh hưởng đường giao thông và/hoặc cơ sở hạ tầng khác cần được phục hồi trước khi cho đường hoạt động trở lại.

V. Quản lý chất lượng môi trường – áp dụng cho tất cả các Tiểu dự án

<i>tt</i>	<i>Hang mục</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
1	Xả thải vào kênh mương	- <i>Dầu máy/dầu đã sử dụng</i>: Các thùng chứa dầu tại các công trường xây dựng (đặc biệt ở những vị trí cách đường nước nhỏ hơn 10m) phải tốt để tránh rò rỉ. Các thùng chứa dầu phải được đặt trong một hệ thống chứa thứ cấp. Nhà thầu phải thực hiện các quy định để đảm bảo tất cả các chất độc hại bao gồm các trống dầu hoặc thùng chứa trên công trường được niêm phong hoàn toàn, không có dầu hoặc chất độc hại rò rỉ vào đường nước mặt hoặc nước ngầm. - <i>Nước thải từ các công trường</i>: Nhà thầu phải giảm đến mức tối đa lượng nước thải và có phương án xả thải. Nhà thầu sẽ đảm bảo rằng bất kỳ dòng thấm nào và nước thải phát sinh từ các công trình, các lán trại phải được thu gom, đưa vào hệ thống cống thoát nước thông qua bể chứa hay các phương pháp xả thải được chấp nhận khác. Biện pháp an toàn cũng phải được thực hiện để bảo vệ cả cộng đồng và công nhân và để ngăn chặn sự xuất hiện của ruồi muỗi tại công trường. -
2	Bụi, tiếng ồn và độ rung	- <i>Thông báo cho người dân</i>: Trước khi tiến hành xây dựng tại bất kỳ công trường nào, yêu cầu nhà thầu phải thông báo cho chính quyền địa phương và người dân về kế hoạch xây dựng và tiếng ồn và độ rung có thể xảy ra từ các hoạt động xây dựng, bao gồm cả các biện pháp giảm tiếng ồn và độ rung. - <i>Kiểm soát bụi</i>: Nhà thầu sẽ đảm bảo không đốt các vật liệu phế thải trên công trường, nguồn cung cấp nước đầy đủ có sẵn trên công trường, không cho phép quét khô trong khu vực rộng. Che phủ tất cả các xe tải chở vật liệu rời hoặc gây bụi (đất, bùn,...) vào và ra khỏi công trường xây dựng; tưới hoặc phun nước mặt bằng công trường thi công định kỳ đặc biệt tại các khu vực gần khu dân

<i>tt</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
		cư; tránh các xe chở quá tải, thường xuyên làm sạch đường giao thông và các tuyến đường dẫn vào công trường; Đảm bảo các xe làm việc trên công trường có ống xả được bố trí hợp lý sao cho bụi được giảm thiểu (các ống xả tốt nhất nên đặt theo hướng quay lên); Kiểm soát tốc độ các xe trên các tuyến đường chuyên chở gỗ ghè và các khu vực thi công; Đảm bảo xi măng và các vật liệu bột mịn khác được giao trong các thùng chứa kín, và trữ trong các tháp với các hệ thống kiểm soát rơi vãi phù hợp để ngăn chặn việc rơi vãi vật liệu trong quá trình chuyên chở. -
3	Quản lý và xử lý chất thải rắn	- <i>Chất thải rắn từ quá trình thi công, xây dựng của tiểu dự án.</i> Nhà thầu phải cam kết thực hiện việc thu gom tất cả đất, đá, ... rơi vãi và vận chuyển đến nơi quy định hoặc đem tận dụng để đắp các tuyến đê và đường đi lại đang thi công. Các loại bao bì và các chất thải rắn khác phải được thu gom để tái sử dụng hoặc đem đốt, đổ vào các bãi rác; - <i>Chất thải rắn sinh hoạt.</i> Trong quá trình thi công xây dựng tiểu dự án, nhà thầu phải có biện pháp phù hợp để thu gom và xử lý rác thải. Lượng rác thải sinh hoạt phải được thu gom và vận chuyển đến nơi quy định hoặc xử lý chôn lấp rác thải vào các bãi rác tạm trong khu vực của dự án để xử lý theo kiểu chôn lấp hợp vệ sinh – một lớp rác, một lớp đất phủ và khi đầy, lấp đất lên bãi rác một lớp phủ dày 50cm. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng công trình, bắt buộc phải phủ đất đầy lên các bãi rác tạm, đảm bảo hoàn thổ và trả lại cảnh quan cho khu vực tiểu dự án. -
4	Giao thông và Vận tải	- Nhà thầu sẽ được yêu cầu sử dụng các tuyến đường giao thông đã được thiết kế cho công tác xây dựng theo chỉ định của chính quyền địa phương. Số lượng xe tải di chuyển, giờ hoạt động và khu vực giữ xe tải sẽ được thống nhất trước với chính quyền địa phương. Tại mỗi công trường, bố trí vị trí cửa vào/ra, và các tuyến đường vào công trường gần đường giao thông chính, và mạng lưới các tuyến xe tải chạy trên công trường. - Bất kỳ đường đi bộ và đường vận chuyển tạm thời sẽ được xây dựng theo yêu cầu hợp lý của chính quyền địa phương và phải có bề mặt đường đồng đều càng nhiều càng tốt, - Bảng chỉ dẫn rõ ràng cho tuyến đường người đi bộ, với số lượng tuyến đường thay đổi ít nhất để tránh nhầm lẫn, - Sau khi hoàn thành công trình thì các vật liệu sẽ phải dọn sạch theo yêu cầu của chính quyền địa phương; - Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về các hư hỏng đường và các công

<i>tt</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
		trình công cộng xung quanh khu vực xây dựng do các hoạt động xây dựng gây ra. Nếu các hư hỏng nguy hiểm phải sửa chữa ngay, hoặc nếu không thì trong vòng 24h phải được sửa chữa. - Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ không thể gỡ bỏ hoặc di dời cơ sở hạ tầng đường phố (có điện hoặc không có điện), nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của các cơ quan chịu trách nhiệm
5	Vật liệu đào và Vật liệu phá dỡ	- Tất cả đất bùn nạo vét cũng như vật liệu đào lên sẽ được tái sử dụng cho xây dựng đường giao thông và/hay chôn lấp tại hoặc gần công trường. Đất thải phải được đổ thải hợp lý. - Vật liệu phá dỡ phải được xử lý hoàn toàn. Nhà thầu phải tham khảo ý kiến Cơ quan Giám sát Môi trường về việc lựa chọn cuối cùng các vị trí và phương pháp xử lý.

VI. Quy trình khi “phát hiện”

Để giảm thiểu tác động trong khi xây dựng, yêu cầu Nhà thầu tuân thủ những điều khoản về *Những điều nghiêm cấm*, *Quy trình khi “Phát hiện”*, và *Quản lý tốt môi trường*.

Nếu Nhà thầu phát hiện vị trí kiến trúc, di tích lịch sử, vật cổ, nghĩa địa hoặc mồ mả trong khi đào đất hoặc xây dựng, Nhà thầu sẽ tiến hành các bước sau đây:

- Dừng các hoạt động xây dựng trong vùng phát hiện;
- Khoanh vùng vị trí vừa phát hiện;
- Bảo vệ khu vực này để tránh mọi thiệt hại hoặc mất mát hiện vật. Trong trường hợp những hiện vật lịch sử có thể di dời hoặc nhạy cảm, cần có sự canh gác ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương hoặc đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận.
- Thông báo cho cán bộ phụ trách môi trường của dự án hoặc kỹ sư dự án – người có trách nhiệm thông báo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Văn hóa – Thông tin và Du lịch (trong vòng 24h hoặc ít hơn).
- Chính quyền địa phương có trách nhiệm và Sở Văn hóa – Thông tin và Du lịch có nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn khu vực có tài sản văn hóa hoặc mồ mả trước khi đưa ra quyết định cuối cùng để xử lý tình huống. Điều này đòi hỏi phải có sự đánh giá sơ bộ những kết quả tìm kiếm do các nhà khảo cổ học thực hiện. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những hiện vật sẽ được đánh giá theo những tiêu chí khác nhau của di sản văn hóa, bao gồm các giá trị lịch sử, khảo cổ học, khoa học hoặc nghiên cứu, xã hội và kinh tế.
- Quyết định về cách thức vận chuyển các hiện vật tìm được sẽ do tổ chức chính quyền địa phương có trách nhiệm; và

- Công việc thi công sẽ tiếp tục triển khai sau khi có sự cho phép của chính quyền địa phương hoặc Sở Văn hóa – Thông tin và Du lịch liên quan đến an toàn của di sản.

VII. Quản lý tốt môi trường thực tiễn – áp dụng cho tất cả các Tiểu dự án

Để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình xây dựng đối với các công trình dân sự nhỏ, cần chú ý các vấn đề liên quan đến an toàn của con người và môi trường và giảm thiểu sự xáo trộn của người dân địa phương. Nhà thầu sẽ thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu sau đây liên quan đến các hoạt động và vị trí của các công trình:

VIỆC PHẢI LÀM

- Giới hạn giờ làm việc vào ban ngày, đặc biệt là trong các khu dân cư, và kiểm soát tốc độ lái xe;
- Giảm tối thiểu đào đất và xử lý thích hợp chất thải đất đào;
- Giảm tối thiểu việc mở mỏ vật liệu mới và đảm bảo hoàn nguyên các mỏ vật liệu;
- Giảm ồn tắc giao thông, phát sinh bụi và tiếng ồn;
- Bảo dưỡng các thiết bị và xe cộ;
- Bố trí các bảng hiệu an toàn (ngày và đêm) và thông báo kịp thời cho người dân địa phương;
- Tránh làm tràn dầu và các vật liệu độc hại khác, bao gồm cả chỗ chứa và vận chuyển an toàn;
- Áp dụng quản lý tốt trong khu vực xây dựng để đảm bảo an toàn cho người lao động và người dân (thu gom và đổ các phế thải, giữ trật tự và an toàn cho nơi làm việc); lập kế hoạch và thực hiện xử lý các vật liệu phế thải, chất thải, vật liệu thừa; Giữ cho khu vực công trường gọn gàng; Đảm bảo để vật liệu dễ bị hư hỏng hoặc vật liệu nhẹ được chứa trong khu vực có mái che; Chất vật liệu cao 2m; Thu dọn hoặc bẻ cong đinh nhô ra từ các thanh gỗ; Để ống, dây điện, dây hàn,... ở xa các đường đi lại hoặc trong khu vực công trường; Đảm bảo công trình xây dựng được bảo vệ đầy đủ; Bố trí bình chữa cháy phù hợp với các vật liệu trên công trường.
- Đảm bảo cung cấp nước sạch và nhà vệ sinh cho công nhân và màn ngủ chống muỗi;
- Tránh xung đột văn hóa/xã hội giữa công nhân và người dân địa phương.

VIỆC KHÔNG ĐƯỢC LÀM

- Không cho phép đổ rác bừa bãi và/hoặc các động vật (chó, mèo, lợn,...) đi vào khu vực xây dựng. Bố trí thùng chứa rác.
- Không được ném các dụng cụ hoặc các vật liệu khác;
- Không tự ý tăng hoặc giảm dụng cụ, thiết bị bằng cáp hoặc ống của cá nhân;
- Công nhân không được phép săn bắn động vật trong các vùng được bảo vệ.

CHÚ Ý ĐẶC

- Chứa các vật liệu dễ cháy nổ như xăng dầu, và các chất tẩy rửa xa các vật liệu

- BIẾT
VỀ
VẬT
LIỆU
DỄ
CHÁY
NỔ
- khác.
- Chứa các vật liệu dễ cháy nổ trong các thùng chứa phù hợp có dán nhãn mác rõ ràng;
 - Để giẻ nhòn, giẻ dầu và các vật liệu dễ cháy khác trong các thùng chứa đã được quy định.
 - Xếp các thùng chứa theo phương thẳng đứng.
 - Xếp các thùng rỗng tách riêng;
 - Bố trí biển báo cấm hút thuốc lá, đốt lửa ở khu vực dễ cháy và chứa hoặc sử dụng các vật liệu nổ.
 - Chứa và sắp xếp các bình khí nén theo phương thẳng đứng.
 - Đánh dấu các bình chứa đã sử dụng hết và xếp tách rời các bình chứa đầy hoặc sử dụng một phần.
 - Làm thông gió cho các kho chứa.
 - Đảm bảo cất giữ tất cả các thiết bị điện, các vật liệu dễ cháy nổ.

PHỤ LỤC 4- KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPMP)

PHẦN I- TÌNH HÌNH CHUNG

1.1. Giới thiệu dự án

Dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp có tưới (WB7) được triển khai căn cứ vào đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ một khoản vay trị giá khoảng 180 triệu USD, thực hiện từ năm 2014-2020. Mục đích của Dự án là “cải thiện các hệ thống nông nghiệp có tưới phát triển bền vững được lựa chọn ở các tỉnh miền núi phía bắc và các tỉnh ven biển miền trung Việt nam”. Dự án được thiết kế nhằm đảm bảo việc tiếp cận bền vững và có hiệu quả các dịch vụ tưới tiêu và hỗ trợ chính phủ Việt Nam trong nỗ lực áp dụng một mô hình mới để nâng cao sức cạnh tranh (nông nghiệp thích ứng hơn với sự thay đổi thời tiết và giảm khí thải nhà kính). Mục đích này sẽ đạt được thông qua việc cải thiện các dịch vụ tưới và tiêu, cung cấp bổ sung các dịch vụ tư vấn và tăng cường năng lực về thể chế cho các cấp tỉnh, hệ thống thủy lợi và cộng đồng địa phương.

Tổng kinh phí dự kiến là 210 triệu USD, bao gồm vốn của Ngân hàng Thế giới 180 triệu USD và vốn đối ứng của Chính Phủ Việt Nam đóng góp 30 triệu USD gồm cả kinh phí của trung ương và các tỉnh.

Dự án được thực hiện ở 03 tỉnh trung du và miền núi phía bắc Hà Giang, Hòa Bình, Phú Thọ và 04 tỉnh duyên hải miền Trung: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam.

1.2. Mô tả dự án

Dự án bao gồm 04 hợp phần, như sau:

Hợp phần A (10 triệu USD)- Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách. Mục tiêu chính của Hợp phần này là Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách để củng cố và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tăng cường sự tiếp cận các dịch vụ thông qua cải tiến cơ chế quản lý tài chính;

Hợp phần B (170 triệu USD) - Nâng cấp hệ thống tưới tiêu, với mục tiêu sửa chữa, nâng cấp và hiện đại hóa các hệ thống tưới hiện đang hoạt động để đảm bảo diện tích tưới theo thiết kế;

Hợp phần C (25 triệu USD) - Hỗ trợ xây dựng cánh đồng mẫu thu lợi cao. Mục tiêu của hợp phần này là hỗ trợ xây dựng những cánh đồng mẫu có hiệu quả cao tiếp cận với nông nghiệp thích ứng với sự thay đổi thời tiết, trong các hệ sinh thái khác nhau, hỗ trợ sử dụng đất đa dạng, tăng năng suất nước, và giảm các tác động trái ngược khi giảm phát thải khí nhà kính (GHG).

Hợp phần D (5 triệu USD) - Quản lý dự án, giám sát và đánh giá.

Mục tiêu của Dự án phù hợp với dự kiến tái cấu trúc và hệ đại hóa hệ thống thủy lợi của Bộ NN&PTNT. Tập trung vào việc cải tổ thể chế, tái cấu trúc và nâng cao năng lực cho tất cả các cấp rất phù hợp với Kế hoạch tái cấu trúc ngành nông nghiệp và Luật Tài nguyên nước mới của Bộ NN&PTNT. Dự án sẽ thực hiện ở 07 tỉnh, gồm Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam.

Dựa trên các đề xuất của các tỉnh trong vùng Dự án, tư vấn chuẩn bị tài liệu Dự án khả thi (FS) dự kiến phân loại các công trình như sau:

- Nhóm TDA1- *Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương* (TDA6, TDA7, TDA9).
- Nhóm TDA2- *Nâng cấp, gia cố đập đầu mối hồ chứa và hệ thống kênh mương*: (TDA1, TDA5, TDA8).
- Nhóm TDA3- *Cải tạo, nâng cấp trạm bơm thủy luân và bơm điện* (TDA4).
- Nhóm TDA4- *Xây mới trạm bơm tiêu* (TDA3).
- Nhóm TDA5- *Xây mới các hồ chứa đa mục tiêu* (TDA2).

1.3. Hiện trạng phát triển nông nghiệp vùng dự án

Nhìn chung các tỉnh trong vùng dự án có nền kinh tế phát triển chậm so với cả nước, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ còn thấp trong cơ cấu toàn bộ nền kinh tế. Nền nông nghiệp cũng chủ yếu là trồng trọt với hình thức sản xuất nhỏ, ít được đầu tư thâm canh. Bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên đầu người của vùng dự án thấp hơn bình quân của cả nước. Cơ cấu sử dụng đất của các tỉnh thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Cơ cấu đất các tỉnh vùng dự án

Đơn vị: Ngàn ha

Tỉnh	Tổng diện tích	Đất sản xuất NN	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở
Hà Giang	791,5	152,7	530,4	12,4	6,7
Phú Thọ	353,3	98,7	178,4	26,4	9,4
Hòa Bình	460,9	65,3	285,9	24,2	19,3
Thanh Hoá	1113,2	247,6	600,1	70,8	52,0
Hà Tĩnh	599,7	120,6	350,9	42,9	8,7
Quảng Trị	474,0	88,5	290,2	16,5	4,3
Quảng Nam	1043,8	112,8	682,3	34,2	21,1
Tổng cộng	4836,4	886,2	2918,2	227,4	121,5

Nguồn: GSO. Niên giám thống kê 2011

Về cơ cấu cây trồng, chủ yếu là sản xuất các loại cây trồng ngắn ngày như lúa, ngô, khoai, sắn, lạc... Một số tỉnh có trồng các loại cây dài ngày như chè, cao su, cà phê ... và một số cây ăn quả có múi như cam, bưởi...

Bảng 2: Diện tích, năng suất sản lượng một số cây trồng chính ở các tỉnh vùng dự án

Tỉnh	Lúa			Ngô			Lạc		
	DT (1000ha)	NS (ta/ha)	SL (1000 tấn)	DT (1000ha)	NS (ta/ha)	SL (1000 tấn)	DT (1000 ha)	NS (ta/ha)	SL (1000 tấn)
Hà Giang	36,5	53,2	194,2	47,6	28,6	136,3	6,7	1,45	9,7
Phú Thọ	68,8	51,2	352,3	20,7	43,7	90,4	5,5	1,78	9,8
Hòa Bình	39,8	48,8	192,7	35,9	40,7	23,1	4,7	1,79	8,4
Thanh Hoá	253,6	55,1	1.398,6	54,4	39,7	215,9	15,0	1,81	27,2
Hà Tĩnh	99,1	41,8	414,4	8,1	34,3	27,8	19,4	2,11	41,0
Quảng Trị	48,1	44,3	2,3	3,6	23,1	8,3	4,8	1,83	8,8
Quảng Nam	85,3	48,4	412,7	13,1	42,5	55,7	9,9	1,70	16,8
Tổng cộng	631,2	48,97	3.177,9	183,4	360,9	557,5	66,0	1,78	121,7

Nguồn: Niên giám thống kê 2011

1.4. Thực trạng sử dụng phân bón và thuốc BVTV ở vùng dự án.

1.4.1- Thực trạng sử dụng phân bón:

Các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình sử dụng trung bình 320 kg phân vô cơ, 2-3 tấn phân hữu cơ bón cho 1 ha cây trồng/vụ. Các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam sử dụng trung bình 350 kg phân vô cơ, 3-4 tấn phân hữu cơ bón cho 1 ha/vụ (bảng 3).

Như vậy, lượng phân bón thực tế cho cây trồng ở các tỉnh trong vùng dự án hiện nay vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với yêu cầu dinh dưỡng cũng như quy trình kỹ thuật. Nguyên nhân do giá phân bón tăng cao nên lượng phân bón đầu tư cho hầu hết các loại cây trồng có xu hướng giảm so với các năm trước; đặc biệt là phân bón cho lúa, màu và cây ăn quả.

Sử dụng phân bón không đúng kỹ thuật trong canh tác nông nghiệp nên hiệu quả phân bón thấp, có trên 50% hàm lượng đạm; 50% lượng Kali và xấp xỉ 80% lân dư thừa trực tiếp hay gián tiếp gây ô nhiễm môi trường đất.

Nhiều diện tích cây trồng lượng bón còn rất thấp như cây sắn, dong riềng... nhưng cũng có một số cây lượng phân bón lại khá cao, như ở các vùng trồng rau và vùng cam.

Về phương pháp bón phân đa số nông dân trong tỉnh đã nắm được yêu cầu kỹ thuật bón phân cho cây trồng, nhưng còn không ít nông dân sử dụng phân bón chưa theo đúng yêu cầu như: bón mất cân đối dinh dưỡng, sử dụng đạm nhiều, lượng kali rất ít; ruộng chua hầu như không được bón vôi; sử dụng lượng phân hữu cơ còn ít...

Bảng 3. Bình quân lượng phân bón và hóa chất BVTV trên 1ha vùng DA

Tỉnh	Lượng Phân bón/ha		Thuốc BVTV(kg/ha)
	Hữu cơ (tấn)	Vô cơ (kg)	
Hà Giang	2.6	300	1.1
Phú Thọ	3.3	350	1.5

Hòa Bình	3.1	310	1.3
Thanh Hoá	4.2	380	2.2
Hà Tĩnh	4	320	1.8
Quảng Trị	3.8	340	2
Quảng Nam	4	360	2.4
Bình quân toàn DA	3.5	335	1.7

Nguồn: Số liệu điều tra 3/2013

1.4.2- Thực trạng sử dụng thuốc BVTV

Theo kết quả điều tra ở bảng 3: Các tỉnh Hà Giang, Phú Thọ và Hòa Bình sử dụng trung bình 1,3 kg thuốc trừ sâu cho 1,0 ha cây trồng. Các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Quảng Nam sử dụng trung bình 1,5 kg và 0,6 kg thuốc diệt cỏ dùng cho 1,0 ha cây trồng.

Theo số liệu từ Chi cục BVTV Hòa Bình và Sở NNPTNT tỉnh Hòa Bình, công tác quản lý an toàn việc sử dụng thuốc BVTV đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp chưa được tốt, nhiều loại thuốc BVTV chưa kê khai hoặc không kê khai mà các cơ quan chức năng không kiểm soát được.

Xu hướng sử dụng hóa chất diệt cỏ tăng lên mạnh mẽ trong những năm gần đây; đặc biệt ở những vùng núi trên đa số các diện tích gieo trồng ngô thâm canh.

Nhiều tỉnh đã có những biện pháp tích cực nhằm khuyến cáo cho nhân dân thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp.

Ở tỉnh Quảng Trị việc sử dụng thuốc BVTV được hướng dẫn theo thông báo chỉ đạo sản xuất của Ngành BVTV, tình trạng sử dụng thuốc tràn lan đã giảm hẳn; chỉ khi có dịch bệnh đe dọa đến sản xuất thì người dân mới tiến hành phun thuốc trên cây trồng bị nhiễm dịch hại. Do vậy, lượng thuốc BVTV sử dụng trên các loại cây trồng chính thấp.

Các tỉnh miền núi sử dụng thuốc BVTV thường thấp hơn ở các tỉnh đồng bằng, nhưng nếu không có biện pháp kiểm soát và kiểm tra chặt chẽ nguy cơ ô nhiễm vẫn có thể xảy ra.

1.5. Dự báo gia tăng lượng phân bón và thuốc BVTV sau khi có dự án

Khi dự án được thực hiện, diện tích đất canh tác tăng thêm là 29.391 ha (bảng 4), trong đó, tỉnh Hà Tĩnh tăng thêm 10.538 ha, Quảng Nam 6.389 ha, Hòa Bình 3575 ha, các tỉnh còn lại từ trên 1.000 đến 4.318 ha

Bảng 4. Diện tích tưới tiêu chủ động trước và sau dự án

TT	Tỉnh	Diện tích tưới chủ động (ha)		Diện tích tăng thêm (ha)
		2011	Đến 2020	2020/2011
1	Hà Giang	1.610	3.025	1.415
2	Phú Thọ	716,6	1.716,6	1.000
3	Hòa Bình	14.362	19.738	5.376
4	Thanh Hóa	6.836	11.154	4.318

5	Hà Tĩnh	19.523	30.061	10.538
6	Quảng Trị	2.630	5.400	2.770
7	Quảng Nam	16.633	23.022	6.389
	Cộng:	59.984	89.375	29.391

Nguồn: Báo cáo FS dự án WB7

Với bình quân lượng phân bón vô cơ 320kg/ha, phân hữu cơ 3 tấn/ha và thuốc BVTV 1,3kg/ha đối với các tỉnh miền núi và 350 kg phân vô cơ/ha, 4 tấn phân chuồng/ha và 2,1kg hóa chất BVTV/ha ở vùng miền trung thì lượng phân bón và hóa chất BVTV tăng lên sau khi dự án được thực hiện là 10.898 tấn phân hóa học, 119.433 tấn phân hữu cơ và 60,56 tấn thuốc BVTV (bảng 5)

Bảng 5. Lượng phân bón và hóa chất BVTV gia tăng sau khi dự án hoàn thành

TT	Tỉnh	Diện tích tăng lên (ha)	Khối lượng tăng lên (tấn)		
			Phân hóa học	Phân hữu cơ	Thuốc BVTV
1	Hà Giang	1.415	452,8	4.245	1,84
2	Phú Thọ	1.000	320,0	3.000	1,3
3	Hòa Bình	5.376	1.720,3	16.128	6,98
4	Thanh Hóa	4.318	1.511,3	17.272	9,08
5	Hà Tĩnh	10.538	3.688,3	42.152	22,13
6	Quảng Trị	2.770	969,5	11.080	5,82
7	Quảng Nam	6.389	2.236,1	25.556	13,42
	Cộng:	29.391	10.898,3	119.433	60,56

Với lượng phân bón và hóa chất BVTV tăng lên như dự báo ở bảng 5, nếu không được kiểm soát và có các biện pháp giảm thiểu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng môi trường và sức khỏe nhân dân vùng dự án.

Tuy nhiên, do hệ thống tưới tiêu được cải thiện là cơ sở để thực hiện được tối ưu việc điều tiết nước theo nguyên tắc SRI. Bởi vậy, nếu nông dân trong vùng dự án được tham gia các lớp học thực địa (Farmer Field School – FFS) về quản lý dịch hại tổng hợp IPM có lồng ghép với System Rice Intensification (SRI), canh tác làm đất tối thiểu (minimum tillage), biện pháp phòng trừ sinh học... họ sẽ nâng cao kiến thức, kỹ năng để trồng cây khỏe (Crop health), phục hồi và phát triển hệ sinh thái đất (soil eco-system). Cây trồng khỏe sẽ chống chịu được với dịch hại, thời tiết cực đoan, tăng năng suất cây trồng, giảm hóa chất sử dụng, đặc biệt là thuốc trừ sâu, trừ bệnh, giảm phát thải khí nhà kính. Cũng do tác hiệu quả của IPM, việc sử dụng các hóa chất ít độc hại cho sức khỏe, môi trường sẽ thay thế dần cho các hóa chất độc hại. Song song với việc tập huấn nông dân về IPM/SRI/minimum tillage, các hoạt động cộng đồng về giảm thiểu nguy cơ do thuốc BVTV (pesticide risk reduction –PRR) như tập huấn cho lãnh đạo địa phương, cho người sử dụng thuốc, người bán thuốc... những quy định về quản lý thuốc BVTV, về nguy cơ do thuốc BVTV và thực hiện các biện pháp bảo hộ lao động khi tiếp xúc với thuốc BVTV, thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng... sẽ có tác động tổng hợp giảm thiểu nguy cơ do hóa chất BVTV trong vùng dự án.

PHẦN II - KẾ HOẠCH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPMP)

2.1. Mục tiêu

a, Mục tiêu chung

Tăng cường công tác bảo vệ thực vật ở địa phương, giảm lượng thuốc sử dụng trên đồng ruộng, nâng cao hiệu quả phòng trừ, quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật và quá trình sử dụng thuốc, nhằm giảm nguy cơ ô nhiễm do thuốc BVTV đối với môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người

b, Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ Chi Cục bảo vệ thực vật của 7 tỉnh trong vùng dự án tăng cường công tác quản lý dịch hại và quản lý thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, ứng phó với biến đổi khí hậu và các công ước quốc tế có liên quan mà Chính phủ đã phê chuẩn;
- Tăng cường năng lực của chương trình IPM quốc gia của Việt Nam, bao gồm cả các nhóm nông dân nhằm thực hiện huấn luyện IPM chất lượng và các hoạt động nghiên cứu hành động với người nông dân sản xuất lúa, rau... nhằm cải thiện cuộc sống, sản xuất cây trồng khỏe hơn và bền vững, giảm thiểu nguy cơ do thuốc bảo vệ thực vật.
- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm nhờ tăng cường vai trò của ký sinh thiên địch; giảm dư lượng thuốc BVTV, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; giảm ô nhiễm môi trường (nguồn nước, đất, không khí)
- Nâng cao hiểu biết cho nông dân: phân biệt các loại sâu bệnh chủ yếu, thứ yếu; nhận biết các thiên địch và vai trò của chúng trên đồng ruộng; hiểu rõ tác dụng hai mặt của thuốc BVTV, biết sử dụng thuốc hợp lý; biết cách điều tra sâu bệnh hại, và sử dụng ngưỡng phòng trừ; hiểu biết và áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh theo IPM tăng thu nhập cho nông dân.

2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong Kế hoạch IPM

Các nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án có khả năng gia tăng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu:

- a. “Danh sách cấm”: Khi xác định trong các tiêu chí sàng lọc ở Khung Quản lý Môi trường – xã hội (ESMF), Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua thuốc trừ sâu với số lượng lớn. Tuy nhiên, nếu xảy ra dịch hại phá hoại nghiêm trọng trong khu vực, Dự án sẽ hỗ trợ để mua số lượng nhỏ thuốc trừ sâu; Việc mua bán, loại thuốc trừ sâu, lưu trữ và vận chuyển sẽ được tuân theo quy định của chính phủ và không có sự phản đối của Ngân hàng thì việc mua thuốc trừ sâu có thể thực hiện. Những loại thuốc BVTV thuộc danh sách cấm sẽ không được lưu hành và sử dụng
- b. Chương trình IPM và hỗ trợ dự án: Tất cả các lợi ích của tiểu dự án từ việc cải tạo hệ thống thủy lợi được hỗ trợ bởi dự án và thực hiện chương trình IPM là một phần của EMP cho các tiểu dự án. Dự án hỗ trợ sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật (tư vấn) để thực hiện các lựa chọn không hóa chất và ưu tiên hỗ trợ cho các dịch vụ khuyến nông, bao gồm cả chi phí vận hành gia tăng. Ngân hàng hỗ trợ kinh phí cho chương trình phòng trừ tổng hợp của tất cả các tiểu dự án sẽ được yêu cầu hoặc thông qua một chương trình độc lập hoặc như một phần của kế hoạch quản lý môi trường (EMP). Một khoản kinh phí dự kiến

đã được phân bổ để thực hiện các chương trình IPM cho các vùng dự án (trong hợp phần C). Kế hoạch chi tiết công việc sẽ được hoàn thiện thông qua tham vấn chặt chẽ với nông dân, cơ quan, địa phương, và địa phương tổ chức/các tổ chức PCP.

- c. Dự án sẽ áp dụng chương trình IPM như một phương pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng trong việc gia tăng sử dụng phân bón và hoá chất. Tuy nhiên, việc nâng cao kiến thức, kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hoá chất đều phải thông qua các chuyển khảo sát nghiên cứu và các lớp đào tạo trong công việc về việc lựa chọn an toàn và sử dụng hoá chất cũng như lựa chọn không hoá chất và các kỹ thuật khác, đang được điều tra và/hoặc áp dụng tại Việt Nam. Chương trình IPM Quốc gia cũng đã có những tổng kết về kết quả thực hiện và rút ra những bài kinh nghiệm. Dự án sẽ áp dụng các kết quả của chương trình IPM Quốc gia và có hướng dẫn kỹ thuật quy định chi tiết.
- d. Chương trình IPM của tiểu dự án có thể được thiết lập để hỗ trợ thực hiện các chính sách của Chính phủ với mục tiêu cần tập trung vào việc giảm sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.
- e. Trong điều kiện bình thường, nếu sử dụng thuốc trừ sâu được xem là một lựa chọn cần thiết thì chỉ có những loại thuốc đã được đăng ký với chính phủ và được Quốc tế công nhận mới được sử dụng và các dự án cũng sẽ cung cấp thông tin kỹ thuật và kinh tế cho nhu cầu sử dụng đối với hóa chất. Cần xem xét các lựa chọn trong việc quản lý hoá chất không gây hại mà cũng có thể làm giảm sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp sẽ được đưa vào thiết kế của dự án để giảm bớt rủi ro liên quan đến việc xử lý và sử dụng thuốc trừ sâu đến mức độ có thể cho phép và được quản lý bởi người sử dụng.

Việc lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu và hoạt động khác sẽ được thực hiện chặt chẽ với các cơ quan chức năng, thẩm quyền và các bên liên quan, bao gồm cả các nhà cung cấp hóa chất, để tạo điều kiện cho phối hợp và hiểu biết lẫn nhau.

2.3. Phương pháp tiếp cận trong IPM

Chú trọng nhiều hơn về các nguy cơ do việc lạm dụng và sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Các cây trồng được quan tâm là lúa, rau, chè...những cây trồng có xu hướng phun thuốc trừ sâu nhiều.

Tập trung vào giáo dục cộng đồng, các nghiên cứu khảo sát ban đầu sẽ được đưa vào nhiệm vụ với mục đích làm sáng tỏ nguyên nhân gốc rễ của việc lạm dụng và sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật và các nguy cơ kèm theo. Hỗ trợ việc xây dựng năng lực của người hướng dẫn (giảng viên) IPM. Các chương trình hiện hành sẽ cần được rà soát lại và các modul mới sẽ được bổ sung nhằm tăng cường các phần liên quan đến việc giảm thiểu nguy cơ của thuốc bảo vệ thực vật. Chương trình đào tạo sẽ được làm phong phú thêm với sự lồng ghép nhiều hoạt động như Hệ thống thâm canh lúa (System Rice Intensification – SRI), làm đất tối thiểu (minimum tillage), cộng đồng sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học thay thế hóa chất bảo vệ thực vật... những hoạt động tập huấn, ứng dụng sẽ được thực hiện trong các mô hình áp dụng diện rộng.

Để thực hiện các nội dung này cần thực hiện các bước sau:

- Bước 0: Thuê chuyên gia tư vấn: Một nhóm chuyên gia tư vấn (tư vấn IPM) sẽ được thuê để giúp ban QLDA trong việc thực hiện các chương trình IPM bao gồm cả việc đảm bảo kết quả và hợp tác giữa các cơ quan, người nông dân, và các bên liên quan.

Nhiệm vụ cho các nhà tư vấn sẽ được thực hiện ở giai đoạn đầu của việc thực hiện dự án.

- Bước 1: Thiết lập yêu cầu cơ bản và đăng ký chương trình của nông dân. Bước này nên được thực hiện càng sớm càng tốt với bảng câu hỏi phù hợp để xác lập cơ sở 2013 cho việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong các khu vực dự án. Tư vấn với các cơ quan chủ chốt về việc tiến hành đào tạo, đăng ký tham gia chương trình của nông dân.
- Bước 2: Thiết lập mục tiêu chương trình và chuẩn bị kế hoạch làm việc. Dựa trên kết quả từ các câu hỏi và tham khảo ý kiến ở Bước 1, kế hoạch công tác và lịch trình sẽ được chuẩn bị, bao gồm cả ngân sách và các đối tượng thực hiện. Kế hoạch làm việc sẽ được trình lên Ban QLDA phê duyệt và WB để xem xét và nhận xét.
- Bước 3: Thực hiện và đánh giá hàng năm. Sau khi phê duyệt kế hoạch công tác, các hoạt động sẽ được thực hiện. Tiến độ thực hiện sẽ được đưa vào báo cáo tiến độ dự án. Một báo cáo đánh giá hàng năm sẽ được thực hiện bởi Ban QLDA và Chi cục bảo vệ thực vật.
- Bước 4: Đánh giá tác động. Một chuyên gia tư vấn độc lập sẽ được thuê để thực hiện việc đánh giá tác động. Điều này là để đánh giá hoạt động của dự án và đưa ra các bài học kinh nghiệm. Ban QLDA sẽ thuê một nhà tư vấn trong nước để thực hiện đánh giá tác động của chương trình IPM.

2.4. Các nội dung thực hiện ở các tiểu dự án

(i) Thu thập thông tin và lựa chọn giải pháp

Trước khi triển khai chương trình IPM, tư vấn phải có những điều tra ban đầu để có những thông tin cần thiết như:

- o Điều tra thu thập số liệu về: cây trồng chủ lực có ý nghĩa kinh tế tại vùng thực hiện dự án: giống, mùa vụ, đặc điểm sinh trưởng, kỹ thuật canh tác,
- o Điều tra thu thập số liệu về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, thời tiết khí hậu ở địa phương
- o Điều tra tình hình sâu bệnh hại chính, quy luật phát sinh gây hại, thiệt hại kinh tế của chúng gây ra trên cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
- o Điều tra thành phần, vai trò của ký sinh thiên địch của sâu hại trên loại cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
- o Điều tra tình hình thực tế các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, sử dụng thuốc BVTV và hiệu quả của chúng tại địa phương
- o Điều tra điều kiện kinh tế xã hội: thu nhập, hiểu biết về kỹ thuật, tập quán...

Trên cơ sở các kết quả điều tra, đánh giá tiến hành đề xuất các biện pháp IPM sẽ áp dụng trên các đối tượng cây trồng cụ thể tại các vùng, địa phương như:

- o Biện pháp canh tác: Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; luân canh, xen canh; thời vụ thích hợp; gieo, trồng mật độ hợp lý; sử dụng phân bón hợp lý; các biện pháp chăm sóc phù hợp
- o Sử dụng giống : các giống truyền thống và các giống đề xuất sử dụng

- o Các biện pháp sinh học: lợi dụng thiên địch sẵn có trên đồng ruộng, sử dụng chế phẩm sinh học...
- o Xác định mức gây hại và ngưỡng phòng trừ
- o Biện pháp hóa học: sử dụng thuốc an toàn với thiên địch; theo ngưỡng kinh tế; sử dụng thuốc 4 đúng;

(ii) Xây dựng mô hình trình diễn IPM

Phần này do Cục trồng trọt thực hiện, dựa trên các đặc điểm thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu, trình độ canh tác... Cục Trồng trọt sẽ đề xuất cho các TDA các khu cánh đồng mẫu lớn về phát triển sản xuất nông nghiệp với những cây trồng chính có hiệu quả cao. Các hoạt động IPM trong khu mẫu sẽ phục vụ cho việc tham quan và hướng dẫn thực hành.

Một số nội dung chính khi xây dựng IPM trong khu mẫu như sau:

- o Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng các biện pháp IPM đã đề xuất ở trên
- o Mô hình xây dựng có sự tham gia của người dân với sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật
- o Trong mô hình cần xây dựng các nông dân hạt nhân, tổ trưởng
- o Bên cạnh sự hỗ trợ về kỹ thuật nên có sự hỗ trợ về vật tư, giống... cho các hộ tham gia mô hình trình diễn
- o Biên soạn tài liệu hướng dẫn IPM đối với các loại cây trồng chính: Lúa, rau...
- o Quy mô của mô hình: tùy loại cây trồng, điều kiện kinh tế... cụ thể mà các mô hình được xây dựng với quy mô khác nhau: 5-10 ha/mô hình

(iii) Huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM

TOT (Training of trainers) và Farmer Field School (FFS):

- Mỗi TDA sẽ tổ chức các lớp huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM. Nội dung các lớp huấn luyện bao gồm:
 - o Phân biệt các loại sâu bệnh hại chủ yếu và thứ yếu
 - o Nhận biết các loài thiên địch của sâu, bệnh hại trên đồng ruộng
 - o Phương pháp điều tra phát hiện sâu, bệnh hại
 - o Hiểu rõ tác động 2 mặt của thuốc BVTV, cách sử dụng hợp lý thuốc BVTV
 - o Các kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh theo những nguyên tắc IPM
 - o Kỹ thuật canh tác tiên bộ
- Các hiểu biết này phải được huấn luyện về mặt lý thuyết và vận dụng trên thực tế đồng ruộng. Các nội dung trên có thể được huấn luyện theo các nhóm chuyên đề: chuyên đề canh tác, chuyên đề nhận biết và phương pháp điều tra phát hiện sâu bệnh hại và thiên địch của chúng, chuyên đề về các biện pháp kỹ thuật IPM trong sản xuất...
- Đối tượng huấn luyện: Các cán bộ kỹ thuật thuộc phòng nông nghiệp, Chi cục BVTV, Trung tâm khuyến nông huyện, xã, hợp tác xã. Các học viên này sẽ là người đi huấn luyện lại cho nông dân tại các vùng thực hiện dự án, thực hiện các mô hình

- Qui mô của mỗi lớp học từ 20-30 học viên, tổ chức lớp học theo từng huyện. Thời gian học tập theo từng đợt theo các chuyên đề mỗi đợt học có thể 3-5 ngày vừa học lý thuyết, vừa thực hành
- Giảng viên: thuê các chuyên gia từ các trường ĐH, Viện nghiên cứu, trung tâm khuyến nông....

(iv) Huấn luyện và đào tạo nông dân

Training of Farmers (TOF) dạy theo kiểu Farmer Field School (FFS):

- o Huấn luyện lý thuyết và dựa vào thực tế đồng ruộng của nông dân và mô hình mẫu về IPM trình diễn trong khu mẫu
- o Nội dung, phương pháp huấn luyện như đối với cán bộ IPM
- o Đối tượng tham gia: nông dân tham gia dự án, nông dân trực tiếp thực hiện các mô hình và nông dân bên ngoài nếu có quan tâm
- o Tổ chức lớp huấn luyện theo từng xã
- o Giáo viên dạy là do các cán bộ đã tham dự lớp TOT giảng dạy

(v) Tổ chức đánh giá và tham quan đầu bờ dựa trên các mô hình trình diễn và ruộng áp dụng IPM theo mô hình của nông dân

Tiến hành tổ chức tham quan hội nghị đầu bờ, các nông dân thực hiện mô hình là các báo cáo viên, các nông dân trực tiếp thực hiện mô hình cùng với các đại biểu, nông dân tham quan sẽ tính toán, so sánh hiệu quả kinh tế, rút ra bài học kinh nghiệm, những hạn chế cần khắc phục, những việc đã làm được, chưa làm được cần khắc phục

(vi) Hội thảo khoa học, đánh giá kết quả, trao đổi thông tin kinh nghiệm, mở rộng mô hình

Mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan tham gia đánh giá, phân tích đánh giá bổ xung, hoàn thiện quy trình; các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan khuyến nông tuyên truyền, chuyển giao mở rộng các kết quả, các tiến bộ kỹ thuật tới các hộ nông dân, các vùng sản xuất có điều kiện tương tự

2.5. Các kết quả dự kiến và các hoạt động của dự án

Dự kiến dự án sẽ đạt được các kết quả sau:

- Các nguy cơ về an toàn thực phẩm và môi trường được giảm thiểu thông qua việc thực hiện Quy định trong quản lý hiện kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và các quy định khác trong chính sách quốc gia và việc thực thi.
- Năng lực của Chi cục BVTV tỉnh, các giảng viên nông dân được nâng cao đáp ứng công tác đào tạo, tập huấn IPM và tuyên truyền thực hành IPM được duy trì.
- Hỗ trợ cho các nhóm nông dân sau khi đã học IPM tiếp tục thực nghiệm để xác định những tiến bộ kỹ thuật ứng dụng có hiệu quả hơn trong sản xuất và phổ biến cho cộng đồng.
- Hỗ trợ cho địa phương cấp xã tăng cường, củng cố công tác quản lý thuốc BVTV bao gồm việc thực hiện và thi hành các văn bản pháp quy kiểm soát thuốc bảo vệ thực vật. Xây dựng và phân phát một danh mục ngăn các thuốc bảo vệ thực vật đặc hiệu đề xuất sử dụng cho sản xuất lúa, rau an toàn.

2.6- Tổ chức thực hiện chương trình IPM

Hiện nay ở Việt nam đang thực hiện chương trình IPM quốc gia, vì vậy các TDA cần có kế hoạch phối kết hợp và lồng ghép giữa chương trình IPM của dự án với chương trình IPM Quốc gia để thực hiện hiệu quả hơn trong phạm vi của từng tiểu dự án.

- Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (CPO):
 - Hướng dẫn các TDA xây dựng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM
 - Chịu trách nhiệm giám sát tổng thể và theo dõi tiến độ thực hiện chương trình IPM của các tiểu dự án
- Ban quản lý dự án địa phương PPMU:
 - Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình IPM
 - Có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo thực hiện định kỳ, để báo cáo CPO, WB. Kế hoạch cuối cùng và kinh phí sẽ được hoàn thành và thảo luận với CPO. Tất cả các tài liệu sẽ được lưu trong hồ sơ dự án.
- Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) tỉnh:
 - Cung cấp chính sách và hướng dẫn kỹ thuật cho việc thực hiện các chương trình IPM.
 - Tham gia xây dựng khu mẫu IPM
 - Tham gia huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM
- Trạm Bảo vệ thực vật cấp huyện
 - Phối hợp với cán bộ IPM thực hiện huấn luyện và đào tạo nông dân thực hiện IPM thông qua việc tiếp cận và cung cấp kiến thức, hỗ trợ cho nông dân việc sử dụng an toàn thuốc trừ sâu khi cần thiết.
 - Hướng dẫn danh mục các loại thuốc BVTV bị cấm sử dụng
 - Kiểm tra các cơ sở phân phối cung cấp thuốc BVTV để đảm bảo cung cấp các loại thuốc an toàn cho nông dân
- UBND cấp xã

Tổ chức cho nông dân quyết định duy trì nếp sinh hoạt IPM đã hình thành từ lớp tập huấn bằng cách tự tổ chức thành các câu lạc bộ IPM hoặc nhóm nông dân với những cấp độ tổ chức và cơ cấu khác nhau cùng nhiều hoạt động đa dạng (trong đó có lồng ghép cả nội dung về chăn nuôi gia súc, cho vay tín dụng, tiếp cận thị trường, v.v...)

- Các hộ dân trong vùng dự án:
 - Thực hiện IPM theo chương trình đã được đào tạo
 - Các hội viên trong câu lạc bộ IPM cùng hoạt động và hỗ trợ lẫn nhau để phát triển hoạt động nông nghiệp chung của họ. Họ cũng đóng vai trò trung tâm trong nhiệm vụ tổ chức các chương trình IPM cộng đồng cũng như lập kế hoạch nông nghiệp chung ở xã và huyện.
- Tư vấn giám sát an toàn môi trường

- o Giám sát việc thực hiện chương trình IPM của các TDA
- o Hướng dẫn Ban QLDA địa phương thực hiện chương
- o Kiến các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình IPM của các TDA

2.7- Kinh phí thực hiện chương trình IPM

Các TDA dự toán kinh phí thực hiện chương trình IPM bao gồm các hạng mục:

- (i) Kinh phí nghiên cứu và thử nghiệm ban đầu
- (ii) Kinh phí xây dựng mô hình trình diễn
- (iii) Kinh phí huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM: Tính cho việc tổ chức lớp học theo từng huyện = đơn giá x số huyện của mỗi TDA
- (iv) Kinh phí huấn luyện và đào tạo nông dân: Tính cho việc tổ chức lớp học theo từng xã = đơn giá x số xã của mỗi TDA
- (v) Kinh phí tổ chức đánh giá và tham quan đầu bờ dựa trên các mô hình trình diễn và ruộng áp dụng IPM theo mô hình của nông dân. Mỗi huyện tổ chức 1 hội nghị tham quan đầu bờ trong 1 ngày
- (vi) Hội thảo khoa học, đánh giá kết quả, trao đổi thông tin kinh nghiệm, mở rộng mô hình. Mỗi huyện tổ chức 1 hội thảo khoa học

Bảng 6. Số huyện, xã trong vùng dự án

TT	Tỉnh	Số huyện	Số xã
1	Hà Giang	6	22
2	Phú Thọ	2	15
3	Hòa Bình	8	24
4	Thanh Hóa	2	34
5	Hà Tĩnh	4	58
6	Quảng Trị	4	14
7	Quảng Nam	7	51
	Cộng:	32	221

Tùy thuộc vào số lượng đơn vị hành chính ở các tiểu dự án mà Sở NN các tỉnh tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

